

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
BỆNH VIỆN GIAI ĐOẠN 2018-2020 TẦM NHÌN 2025**

(Kèm theo Quyết định số ../QĐ-BV, ngày tháng năm 2018)

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP;

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”;

- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ: Về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 122/2013/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

- Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết tuyển chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế Nhà nước.
- Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;
- Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và túi y tế thôn bản;
- Quyết định số 18/2007/QĐ-BXD ngày 15/5/2007 Của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành hướng dẫn thiết kế TCXDVN 365 2007 “Bệnh viện đa khoa - Hướng dẫn thiết kế”;
- Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện;
- Quyết định số 6858/QĐ-BYT Ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam;
- Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hệ thống quản lý chất lượng - các yêu cầu;
- Quyết định số 3161/QĐ- UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phê duyệt “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”.
- Quyết định số 167/QĐ- UBND ngày 08 tháng 03 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương

1.1. Vị trí địa lý

Hải Dương là một tỉnh nằm ở đồng bằng sông Hồng, với diện tích là 1656,0 km² thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Việt Nam.

Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hải Dương hiện là đô thị loại 2 nằm cách thủ đô Hà Nội 57 km về phía tây, cách thành phố Hải Phòng 45 km về phía đông, phía tây bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía đông giáp thành phố Hải Phòng, phía nam giáp tỉnh Thái Bình và phía tây giáp tỉnh Hưng Yên. Theo quy hoạch năm 2007, Hải Dương nằm trong **Vùng thủ đô** với vai trò là một trung tâm công nghiệp của toàn vùng.

1.2. Hành chính

Tỉnh Hải Dương gồm có 01 thành phố trực thuộc tỉnh, 01 thị xã và 10 huyện, 265 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 25 phường, 227 xã và 13 thị trấn.

Theo quy hoạch Xây dựng tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 Hải Dương sẽ hình thành 3 cụm đô thị động lực mạnh: thành phố Hải Dương - hành lang quốc lộ

5; Chí Linh - Kinh Môn; cụm Thanh Miện và khu vực phía nam tỉnh. Hệ thống đô thị được định hướng gồm Thành phố Hải Dương đạt đô thị loại I trước năm 2020.

1.3. Dân số

Năm 2017 Hải Dương có khoảng 1.850.000 người với mật độ dân số 1.488 người/km². Thành phần dân số gồm 73% ở vùng nông thôn, 27% ở thành thị. Dự báo đến năm 2025 dân số khoảng 3.000.000 người.

1.4. Kinh tế - xã hội:

Sau 20 năm tái lập tỉnh (1/1/1997 - 1/1/2017), từ một tỉnh thuần nông, Hải Dương đã có sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực, xây dựng được nền tảng kinh tế - xã hội đồng bộ, vững chắc.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong thời kỳ 1997 - 2016 của tỉnh đạt 9,3%/năm, tăng cao hơn bình quân chung của cả nước. Giai đoạn 2010 - 2015, tỉnh đã thu hút được trên 135.000 tỷ đồng cho đầu tư phát triển. Tỉnh hiện có gần 9.500 doanh nghiệp hoạt động, với tổng vốn đăng ký là 72.000 tỷ đồng.

Toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp đang xây dựng và hoạt động với tỷ lệ lấp đầy trên 60%. Nhiều sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường được đầu tư phát triển mở rộng. Năm 2016, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 10.600 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 46,5 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng trưởng cao, năm 2016 đạt giá trị hơn 4,5 tỷ USD.

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, Hải Dương luôn duy trì thứ hạng cao về chất lượng, trong đó số lượng học sinh giỏi quốc gia đứng thứ 6, chất lượng giáo dục đại trà đứng thứ 2 toàn quốc. Đến nay, toàn tỉnh có 517 trường học đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 55,85%). Mạng lưới hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp được duy trì, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực được nâng lên.

Lĩnh vực y tế được đầu tư và quan tâm, công tác truyền thông chăm sóc sức khỏe được đẩy mạnh, các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện tốt. Năm 2016, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 81%, đạt 8,2 bác sĩ và 32,5 giường bệnh trên 1 vạn dân.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã thông qua 20 chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 như sau:

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 8 ÷ 8,5%/năm.
2. Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2020: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 11%; Công nghiệp, xây dựng 56%; Dịch vụ 33%.
3. Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh bình quân đầu người đạt 3.200 USD trở lên, thu nhập bình quân theo đầu người đạt 55 triệu đồng.
4. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đạt 32%/năm.

5. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 150 triệu đồng/ha vào năm 2020.
6. Giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng bình quân 15%/năm.
7. Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm trở lên.
8. Cơ cấu lao động đến năm 2020: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 27%; công nghiệp, xây dựng 42%; dịch vụ 31%.
9. Lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 75 %; trong đó có chứng chỉ đạt 30%.
10. Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2020 đạt 0,725.
11. Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới đến năm 2020 đạt trên 60%.
12. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 33÷35%.
13. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 là 67% (trong đó: mầm non 52%; tiểu học 99%; Trung học cơ sở 53%; Trung học phổ thông 56%).
14. Năm 2020, đạt 30 giường bệnh/10.000 người dân (tính cả trạm y tế cấp xã đạt 37 giường bệnh/10.000 người dân), 09 bác sĩ/10.000 người dân, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 8,5%.
15. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình trên 1,0%/năm.
16. Năm 2020 tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 87% dân số.
17. Năm 2020, tỷ lệ làng, khu dân cư văn hoá đạt 80%; Tỷ lệ cơ quan văn hoá đạt 90%.
18. Năm 2020, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100%, trên 90 % chất thải nguy hại, trên 95% chất thải y tế, 75% rác thải nông thôn và 95% chất thải rắn đô thị được xử lý.
19. Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, mỗi năm kết nạp từ 2.500 đảng viên trở lên.
20. Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh.

2. Tình hình bệnh tật và dự báo nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại bệnh viện đến năm 2020 và 2025.

2.1. Căn cứ vào kết quả hoạt động của bệnh viện qua các năm.

2.1. 1. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện

Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương được xếp hạng là Bệnh viện đa khoa hạng I theo quyết định số 989 QĐ- UBND ngày 21 tháng 03 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Bệnh viện là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở y tế và Ủy Ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh và khu vực, bao gồm:

Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh

- Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc các Bệnh viện khác chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

- Tổ chức khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh tật từ các nơi chuyển đến cũng như tại địa phương. Tổ chức khám giám định sức khoẻ khi hội đồng giám định y khoa trung ương hoặc tỉnh, thành phố, trung cầu, khám giám định pháp y khi cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu.

Đào tạo cán bộ y tế

- Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc trên Đại học, Đại học và trung học cho các cơ sở đào tạo y dược trong và ngoài tỉnh như Trường Đại học y Hải Dương; Trường Cao đẳng y Hải Dương; Trường Cao đẳng Dược Trung Ương; Trường Đại học y Thái Bình, Đại học Y Hải Phòng, Học viện Quân y...

- Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và tuyển dưới nâng cao trình độ chuyên môn.

Nghiên cứu khoa học về y học

- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu về y học và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật y học ở cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

- Kết hợp với các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của Bệnh viện.

- Nghiên cứu dịch tễ học cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu...

Chỉ đạo tuyển dưới về chuyên môn kỹ thuật

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chỉ đạo các Bệnh viện tuyển dưới phát triển kỹ thuật chuyên môn nâng cao chất lượng chuẩn đoán và điều trị.

- Kết hợp với các Bệnh viện tuyển dưới thực hiện chương trình và kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu trong khu vực.

Phòng bệnh

- Tuyên truyền, giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng.

- Phối hợp với các cơ sở y tế thực hiện thường xuyên nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch.

Hợp tác quốc tế

Hợp tác với các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

Quản lý kinh tế trong bệnh viện

- Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của Bệnh viện. Từng bước hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

- Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư của nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác.

2.1.2. Tình hình khám, chữa bệnh của bệnh viện trong những năm vừa qua

*** Mô hình bệnh tật.**

Qua số liệu thống kê qua các năm, mô hình bệnh tật tại bệnh viện như sau:

- Giới: Nữ chiếm 43%; Nam chiếm 57%
- Tuổi: Dưới 15 tuổi chiếm 11,7%; Trên 15 tuổi chiếm 88,3%
- **Các bệnh Sản, phụ khoa:** Chiếm 0,45% BN điều trị nội trú, gồm U ác khác cơ quan sinh dục nữ; U ác cổ tử cung; U buồng trứng lành; U lành tử cung.
- **Các bệnh Nhi khoa:** Tổng số bệnh nhi điều trị nội trú năm 2017 là 2838 chiếm 5,1% gồm các bệnh thường gặp là: Viêm họng và viêm Amidan cấp; Viêm phế quản và tiểu phế quản; Viêm phổi; Viêm cấp đường hô hấp trên; Viêm ruột thừa; Thoát vị bẹn.
- **Các bệnh Nội khoa:** Chiếm 43% BN điều trị nội trú, trong đó thường gặp là các bệnh lý tim mạch, hô hấp, tiêu hóa.
- **Bệnh ngoại khoa:** Chiếm 17,1% BN điều trị nội trú gồm các bệnh: tổn thương do chấn thương trong sọ; sỏi tiết niệu; bệnh ruột thừa; gãy các phần khác của chi do lao động và giao thông; Gãy xương, cổ, ngực, xương chậu; gãy xương đùi; Vỡ xương sọ và xương mặt. ..

*** Tình hình bệnh nhân nặng tử vong và xin về:**

STT	Tình trạng	2015	2016	2017
1	Bệnh nặng xin về	443	495	351
2	Tử vong	106	126	111
	Tổng số	459	621	462

3. Tình hình bệnh nhân chuyển tuyến trong 3 năm 2015, 2016, 2017:

Do mô hình bệnh tật thay đổi, các bệnh lý không lây nhiễm ngày càng có xu hướng gia tăng như Ung thư, các bệnh lý tim mạch, nội tiết, mắt khác nhu cầu được thụ hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng cao của người dân tăng nên số BN chuyển tuyến của BV cũng gia tăng.

Chuyển tuyến	2015	2016	2017
Ngoại trú	10365	10170	9007
Nội trú	1775	2813	4473
Tổng	12140	12983	13480

Chi tiết về mặt bệnh chuyển tuyến năm 2017:

- C00-C97 (Ung thư): 3673
- I00-I99 (Bệnh tim mạch): 2227
- S00-T07 (Bệnh do chấn thương): 1113
- M00-M99 (Cơ xương khớp): 570
- D50-D89 (Bệnh của máu và cơ quan tạo máu): 742

- N00-N39 (Bệnh của thận – tiết niệu): 448

*** Dự báo những năm tới**

+ Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường phát triển một số bệnh: truyền nhiễm, bệnh cơ địa, bệnh theo mùa ...

+ Một số bệnh không lây nhiễm gia tăng, tăng gánh nặng cho quỹ KCB

+ Tình hình giao thông, đô thị hóa phát triển, thảm họa thiên tai: số người bệnh bị chấn thương tăng, mức độ nặng nề, phức tạp hơn.

+ Đời sống kinh tế xã hội của người dân tăng nên nhu cầu về chất lượng khám chữa bệnh của người bệnh ngày càng cao.

+ Các BV tuyến trên, BV tuyến tỉnh của các tỉnh trong khu vực, mạng lưới phòng khám, BV tư nhân ngày càng phát triển năng động. Nếu BV không phát triển sẽ không có năng lực cạnh tranh, không thu hút được người bệnh.

III. HOẠT ĐỘNG BỆNH VIỆN ĐẾN NĂM 2017

1. Quy mô

Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương là bệnh viện đa khoa hạng I, với số giường kế hoạch được giao là 800 giường bệnh, giường thực hiện là 1154, đạt tỷ lệ 144%. Tổng số lần khám bệnh là 322.222 lần đạt tỷ lệ 129%; Số lượt BN điều trị ngoại trú là 75.359; Số lượt BN điều trị nội trú 56.058; Công suất sử dụng giường bệnh là 144%.

2. Tổ chức bộ máy và nhân sự

2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy biên chế hiện nay:

Bệnh viện xây dựng định mức biên chế theo quy định tại Thông tư số 08/2007/TTLB-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ với cơ cấu nhân lực và khoa phòng như sau:

- Phòng chức năng : 11 phòng.

- Khoa lâm sàng: 25 khoa.

- Trung tâm: Trung tâm Tim mạch, trung tâm Ung bướu.

- Khoa cận lâm sàng: 07 khoa.

- Khoa khác: Dược, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Dinh dưỡng, Tư vấn chăm sóc sức khỏe nội ngoại viện.

- Bệnh viện hiện có 1006 nhân viên (trong đó: Tiến sỹ 02; Bác sỹ CKII 08; Bác sỹ CKI 33; Thạc sỹ: 58; Bác sỹ: 100; Cử nhân điều dưỡng: 109; Cao đẳng điều dưỡng: 97; Trung cấp điều dưỡng: 337; Cử nhân kỹ thuật: 31; Cao đẳng kỹ thuật: 33; Trung cấp kỹ thuật: 53; Nữ hộ sinh: 07; Cán bộ khác: 104; Hợp đồng theo Nghị định 68: là 34.

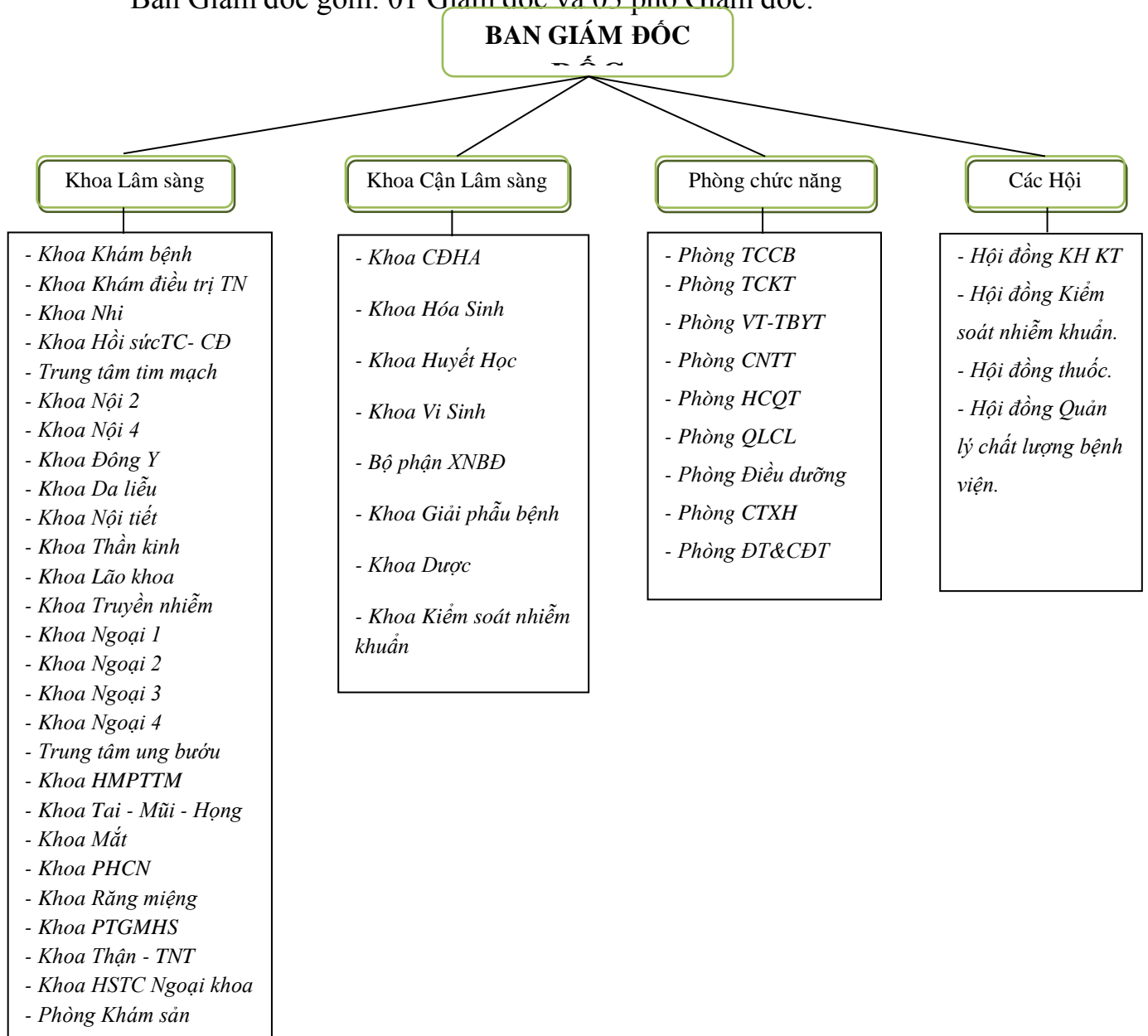
***Biên chế và trình độ chuyên môn theo các khoa:**

<i>Tên khoa</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Bác sỹ</i>	<i>ĐD/KTV</i>	<i>Bác sỹ sau đại học theo đúng chuyên ngành</i>
<i>Nhi- Sơ sinh</i>	<i>24</i>	<i>5</i>	<i>19</i>	<i>3</i>
<i>Nội 2</i>	<i>24</i>	<i>4</i>	<i>20</i>	<i>3</i>
<i>Trung tâm tim mạch</i>	<i>36</i>	<i>7</i>	<i>29</i>	<i>4</i>
<i>Nội 4</i>	<i>23</i>	<i>4</i>	<i>19</i>	<i>4</i>
<i>Truyền nhiễm</i>	<i>23</i>	<i>4</i>	<i>19</i>	<i>3</i>
<i>Hồi sức tích cực- CD</i>	<i>37</i>	<i>6</i>	<i>31</i>	<i>2</i>
<i>Cấp cứu</i>	<i>35</i>	<i>4</i>	<i>31</i>	<i>2</i>
<i>Thần kinh</i>	<i>29</i>	<i>5</i>	<i>26</i>	<i>2</i>
<i>Da liễu</i>	<i>8</i>	<i>2</i>	<i>6</i>	<i>2</i>
<i>Trung tâm Ung bướu</i>	<i>41</i>	<i>7</i>	<i>34</i>	<i>4</i>
<i>Nội tiết</i>	<i>14</i>	<i>3</i>	<i>11</i>	<i>3</i>
<i>Khám và điều trị tự nguyện</i>	<i>25</i>	<i>4</i>	<i>22</i>	<i>2</i>
<i>Khám bệnh</i>	<i>10</i>	<i>02</i>	<i>9</i>	<i>2</i>
<i>Thận- Thận nhân tạo</i>	<i>24</i>	<i>5</i>	<i>21</i>	<i>2</i>
<i>Lão khoa</i>	<i>20</i>	<i>5</i>	<i>15</i>	<i>2</i>
<i>Ngoại 1</i>	<i>34</i>	<i>7</i>	<i>17</i>	<i>4</i>
<i>Ngoại 2</i>	<i>28</i>	<i>6</i>	<i>22</i>	<i>3</i>
<i>Ngoại 3</i>	<i>40</i>	<i>7</i>	<i>33</i>	<i>4</i>
<i>Ngoại 4</i>	<i>24</i>	<i>7</i>	<i>17</i>	<i>5</i>
<i>Phẫu thuật gây mê</i>	<i>31</i>	<i>6</i>	<i>15</i>	<i>5</i>
<i>Tai Mũi họng</i>	<i>14</i>	<i>5</i>	<i>9</i>	<i>5</i>
<i>Mắt</i>	<i>10</i>	<i>3</i>	<i>7</i>	<i>3</i>

Hàm mắt – Phẫu thuật TM	11	3	8	3
Thăm dò chức năng	9	2	7	2
Huyết học truyền máu	10	3	7	3
Vi sinh	7	1	6	1
Hóa Sinh	8	1	7	1
Giải phẫu bệnh	3	1	2	1
Chẩn đoán hình ảnh	27	8	19	6
Bộ phận xét nghiệm cấp cứu	20	1	19	1

2.2. Ban lãnh đạo Bệnh viện

Ban Giám đốc gồm: 01 Giám đốc và 03 phó Giám đốc.



3. Cơ sở hạ tầng

3.1. Các công trình xây dựng

- Vị trí: Bệnh viện tọa lạc tại khu vực phía Tây thành phố Hải Dương, gồm 5 khối nhà: Nhà A, nhà B, nhà C, nhà D, nhà Truyền Nhiễm.

- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 67.670,2 m²

- Diện tích xây dựng: 13.663 m²

- Diện tích sàn: 44.465,0 m² bao gồm:

+ Nhà A: 8.256,0 m²

+ Nhà B: 11.029,0 m²

+ Nhà C: 10.737,0 m²

+ Nhà D: 10.643,0 m²

+ Nhà Truyền nhiễm: 3.800 m²

- Diện tích phụ trợ:

+ Đất cây xanh: 37.357 m²

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 1.094 m²

+ Đất đường nội bộ: 11.806,2 m²

+ Bãi đỗ xe: 3.780 m².

- Khu nhà A:

+ Đơn nguyên 1 cao 6 tầng gồm: Khoa cấp cứu; Khoa Chẩn đoán hình ảnh (tầng 1); Khoa Khám bệnh; Khoa Giải phẫu bệnh; Khoa Thăm dò chức năng (tầng 2,3); Khối phòng ban (tầng 4,5); Hội trường, kho lưu trữ (tầng 6); Nhà để xe nhân viên (tầng trệt).

+ Đơn nguyên 2 cao 4 tầng gồm: Khoa Khám và điều trị tự nguyện (tầng 1-3); Hội trường (tầng 4).

- Đơn nguyên 3 cao 2 tầng: Nhà ăn phục vụ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cán bộ nhân viên.

- Khu nhà B cao 8 tầng gồm: Khoa Dược (tầng 8); Khoa Thận- Thận nhân tạo (tầng 7); Khoa Hồi sức tích cực ngoại (tầng 6); Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức (tầng 4,5); Khoa Huyết học, khoa Vi sinh, khoa Hóa sinh (tầng 3); Khu thanh toán viện phí nội trú, khoa Dinh dưỡng, khoa Chẩn đoán hình ảnh, khoa Y học hạt nhân (tầng 2); Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng Hành chính quản trị, phòng Vật tư trang thiết bị y tế (tầng trệt).

- Nhà C cao 6 tầng gồm: Khoa Da liễu, khoa Lão khoa (tầng 6); Khoa Thần kinh (tầng 5); Khoa Nội 4 (tầng 4); Khoa Nội 2, khoa Đông y (tầng 3); Trung tâm tim mạch (tầng 2); Khoa Hồi sức tích cực chống độc, khoa Nhi (tầng 1).

- Nhà D cao 6 tầng gồm: Khoa mắt, khoa Phục hồi chức năng (tầng 6); Khoa Ngoại 3 (tầng 5); Khoa Ngoại 4, khoa Hàm mặt phẫu thuật thẩm mỹ (tầng 4); Khoa Ngoại 2, khoa Tai mũi họng (tầng 3); Trung tâm Ung bướu (tầng 2); Khoa Ngoại 1 (tầng 1).

Các khối nhà này đã được bố trí để tận dụng tối đa diện tích sử dụng, tuy nhiên một số khoa diện tích sử dụng đã thành trật hẹp so với nhu cầu thực tế của khoa đó do lượng bệnh nhân ngày càng tăng như khoa Khám bệnh, khoa Khám và điều trị tự nguyện, Trung tâm Ung bướu, Trung tâm tim mạch, khoa Thăm dò chức năng.

3.2. Hệ thống điện, nước, hệ thống xử lý chất thải.

- Hệ thống điện gồm trạm biến áp 1600 KVA- 22/04KV và hệ thống cáp cấp điện cho các khối nhà A, B, C, D, nhà Truyền nhiễm đã hoàn chỉnh.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khối nhà A, B, C, D, nhà khoa Truyền nhiễm đã hoàn chỉnh.

- Bể nước sạch cấp nước chữa cháy gồm bể nước thể tích 750 m³ + trạm bơm.

- Hệ thống xử lý nước thải đã được xây dựng.

4. Trang thiết bị

4.1. Trang bị máy hiện có

DANH MỤC MÁY 2018

1. PTGM

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy chụp XQ di động	Máy	1
2	Nội soi khớp gối	HT	1
3	Nội soi ổ bụng	HT	3
4	HT Phẫu thuật sọ não	HT	1
5	HT tim phổi nhân tạo	HT	1

6	Máy gây mê kèm thở	Máy	6
7	Máy thở	Máy	4
8	Monitor 6 thông số	Máy	1
9	Monitor 5 thông số	Máy	8
10	Máy truyền dịch tự động	Máy	1
11	Máy đo CO2	Máy	1
12	Đèn mổ treo trần	Máy	4
13	Dao mổ điện	Máy	9
14	Bàn mổ	Cái	6
15	Máy hút dịch	Máy	6
16	Máy phá rung tạo nhịp tim	Máy	1
17	Bơm tiêm điện	Máy	3

2. HỒI SỨC TÍCH CỰC CHỐNG ĐỘC

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy thở	Máy	12
2	Máy thở xách tay	Máy	1
3	Monitor 5 thông số	Máy	31
4	Máy phá rung tạo nhịp tim	Máy	1
5	Máy điện tim	Máy	2
6	Bơm tiêm điện	Máy	10
7	Máy truyền dịch tự động	Máy	3
8	Khí dung siêu âm	Máy	1
9	Máy siêu lọc máu liên tục	Máy	1
10	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy	1
11	Máy hút dịch	Máy	2
12	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

3. HỒI SỨC NGOẠI KHOA

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy thở	Máy	3
2	Monitor 5 thông số	Máy	2
3	Máy điện tim	Máy	1
4	Bơm tiêm điện	Máy	1

4. CẤP CỨU BAN ĐẦU

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy thở	Máy	4
2	Máy thở xách tay	Máy	1
3	Monitor 5 thông số	Máy	3
4	Máy phá rung tạo nhịp tim	Máy	1
5	Máy điện tim	Máy	1
6	Máy điện tim theo xe cấp cứu	Máy	1
7	Bơm tiêm điện	Máy	1
8	Máy truyền dịch tự động	Máy	1
9	Máy xông khí dung	Máy	1
10	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy	1
11	Máy hút dịch	Máy	2
12	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

5. TRUNG TÂM UNG BƯỚU

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Monitor 5 thông số	Máy	1
2	HT máy chụp xạ hình Spec CT	HT	1
3	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

6. TRUNG TÂM TIM MẠCH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Monitor 5 thông số	Máy	6
2	Máy phá rung tạo nhịp tim	Máy	1
3	Máy điện tim	Máy	2
4	Bơm tiêm điện	Máy	2
5	Máy truyền dịch	Máy	2
6	Máy hút dịch	Máy	1
7	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1
8	Máy siêu âm tim có phần mềm gắng sức	Máy	1
9	Hệ thống điện tim gắng sức có thăm chạy	HT	1
10	Hệ thống Holter điện tim	Máy	4
11	Hệ thống Holter huyết áp	Máy	4
12	Máy tạo nhịp tim tạm thời 1 buồng	Máy	1

7. NGOẠI 1

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy hút dịch	Máy	1
2	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy	1
3	Đèn phẫu thuật	Đèn	1
4	Đèn gù TQ	Đèn	1
5	Máy hút dịch áp lực âm	Máy	7
6	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

8. NGOẠI 2

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy	3
2	Đèn gù	Đèn	2

9. NGOẠI 3

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy hút dịch	Máy	1
2	Đèn gù	Đèn	1
3	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

10. NGOẠI 4

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Đèn gù	Đèn	1
2	Máy tán sỏi ngoài cơ thể	Máy	1

11. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy siêu âm màu 4D	Máy	3
2	Hệ thống chụp cộng hưởng từ MRI	HT	1
3	Máy CT 2 dãy	HT	1
4	Máy CT 16 dãy	HT	1
5	Máy CT 128 dãy	HT	1
6	Hệ thống chụp XQ kỹ thuật số DR	HT	3

12. THẬN NHÂN TẠO

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy HDF online	Máy	1
2	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1
3	Máy chạy thận nhân tạo	Máy	30

13. TAI MŨI HỌNG

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy hút dịch	Máy	1
2	Hệ thống nội soi TMH	Máy	1

14. NỘI 2

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Monitor 5 thông số	Máy	4
2	Bơm tiêm điện	Máy	1
3	Máy truyền dịch tự động	Máy	1
4	Khí dung siêu âm	Máy	1
5	Máy xông khí dung	Máy	2
6	Máy hút liên tục áp lực thấp	Máy	2

15. NỘI 4

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

16. TRUYỀN NHIỄM

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy thở	Máy	1
2	Monitor 5 thông số	Máy	1
3	Máy điện tim	Máy	1
4	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

17. NHI SƠ SINH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Bơm tiêm điện	Máy	2
2	Máy truyền dịch tự động	Máy	1
3	Máy hút dịch	Máy	1
4	Máy thở	Máy	2
5	Máy trợ thở CPAP	Máy	2
6	Giường sưởi sơ sinh	Máy	2
7	Lồng ấp sơ sinh	Máy	1
8	Đèn chiếu vàng da	Đèn	4
9	Monitor 5 thông số	Máy	2

18. LÃO KHOA

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Monitor 5 thông số	Máy	1
2	Máy điện tim	Máy	1
3	Bơm tiêm điện	Máy	1
4	Máy xông khí dung	Máy	1
5	Máy hút dịch	Máy	1
6	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

19. THẬN KINH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Monitor 5 thông số	Máy	1
2	Bơm tiêm điện	Máy	1
3	Máy truyền dịch tự động	Máy	1
4	Máy xông khí dung	Máy	1
5	Đèn gù	Máy	1

6	Máy hút dịch	Máy	1
7	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

20. MẮT

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
	Máy phẫu thuật phaco	Máy	1
	Máy soi đáy mắt Beta	Máy	1
	Máy đo khúc xạ, độ cong giác mạc	Máy	1
	Máy siêu âm mắt AB	Máy	1
	Máy sinh hiển vi khám mắt	Máy	1
	Máy sinh hiển vi phẫu thuật mắt	Máy	1

21. HÀM MẶT PTTM

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Đèn gù	Đèn	1
2	Máy ghê răng	Máy	2

22. RĂNG MIỆNG

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy ghê răng	Máy	5

23. DA LIỄU

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy đốt lazer C2L-30	Máy	1

24. NỘI TIẾT

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1

25. ĐÔNG Y

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1
2	Đèn hồng ngoại		9
3	Máy điện châm 6 rắc		14
4	Máy điện châm Nhật Bản		2
5	Máy đóng túi thuốc đông y		2
6	Máy sắc thuốc đông y		4

26. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	HT nội soi đại tràng	HT	1
2	HT nội soi dạ dày	HT	1
3	Máy điện não vi tính 64 kênh	Máy	1
4	Máy điện tim	Máy	1
5	HT nội soi và đặt sond niệu quản	HT	1

27. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy điện phân	Máy	2
2	Đèn hồng ngoại	Đèn	6
3	Máy laze điều trị	Máy	1
4	Hệ thống kéo dẫn cột sống	HT	2
5	Máy siêu âm điều trị tần số 1*331	Máy	1
6	Máy điện xung điện phân 2 kênh	Máy	1
7	Máy siêu âm điều trị Hàn Quốc	Máy	1
8	Máy điều trị kích thích	Máy	1
9	Máy điều trị sóng ngắn	Máy	1

28. GIẢI PHẪU BỆNH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Tủ tách bệnh phẩm	Tủ	1
2	Kính hiển vi	Máy	2

29. KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ TỰ NGUYỆN

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy đo đường huyết tại giường	Máy	1
2	Máy xông khí dung	Máy	3
3	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	1
4	Máy hút dịch	Máy	4
5	Monitor 5 thông số	Máy	3
6	Máy đo loãng xương toàn thân	Máy	1
7	Máy điện tim	Máy	1
8	Máy khí dung	Máy	3
9	Hệ thống nội soi dạ dày	HT	1
10	Hệ thống nội soi đại tràng	HT	1
11	Hệ thống nội soi TMH	HT	1
12	Máy siêu âm màu 4D	HT	2

30. KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma	Máy	1
2	Máy vắt	Máy	1
3	Máy giặt	Máy	4
4	Máy sấy	Máy	4
5	Nồi hấp ưót	Máy	4
6	Hệ thống rửa dụng cụ đa năng	HT	1

31. HÓA SINH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy sinh hóa	Máy	1
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	2
3	Máy khí máu	Máy	1
4	Máy ly tâm	Máy	1

32. VI SINH

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy miễn dịch	Máy	1
2	Hệ thống sinh học phân tử-Real time PCR	HT	1
3	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn	Máy	1
4	Kính hiển vi 2 mắt	Máy	1
5	Tủ an toàn sinh học I	Máy	1
6	Tủ an toàn sinh học II	Máy	1

33. BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM BAN ĐẦU

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Máy sinh hóa	Máy	1
2	Máy xét nghiệm miễn dịch	Máy	1
3	Máy xét nghiệm đông máu	Máy	1
4	Máy xét nghiệm HbA1c	Máy	1
5	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	3
6	Máy xét nghiệm điện giải	Máy	1
7	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	1
8	Máy ly tâm	Máy	2

34. HUYẾT HỌC

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SL
1	Dàn Eliza sàng lọc miễn dịch	Máy	1
2	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	1
3	Máy tách thành phần máu	Máy	1
4	Máy hàn dây túi máu	Máy	11
5	Máy ly tâm lạnh	Máy	1
6	Bể ổn nhiệt	Máy	1
7	Máy lắng máu	Máy	5
8	Máy lắng và ủ ấm tiểu cầu Labtop	Máy	1
9	Kính hiển vi	Máy	1
10	Máy ly tâm	Máy	2

Nhận xét: Trang thiết bị hiện có chủ yếu phục vụ công tác khám và điều trị những bệnh lý thường gặp, chưa đáp ứng được những kỹ thuật điều trị chuyên sâu nên chưa khai thác được những tiềm năng, thế mạnh của bệnh viện.

4.2. Cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin đối với hoạt động của ngành y tế ngày càng đóng vai trò quan trọng, không chỉ “bà đỡ” cho quá trình cải cách hành chính trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan quản lý mà còn “đỡ đầu” cho việc triển khai và ứng dụng thành công các kỹ thuật cao trong công tác khám chữa bệnh, trong công tác giảng dạy, đào tạo, giám sát dịch bệnh, nghiên cứu phát triển thuốc...

4.2.1. Trình độ nhân lực công nghệ thông tin tại bệnh viện

- Tổng số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin: 08 người (Thạc sỹ: 01; Kỹ sư, cử nhân CNTT: 07 cán bộ)

- Tổng số cán bộ, nhân viên sử dụng thành thạo tin học văn phòng: 850 người.

4.2.2. Cơ sở hạ tầng tại Bệnh viện

* Phần cứng (đã trang bị)

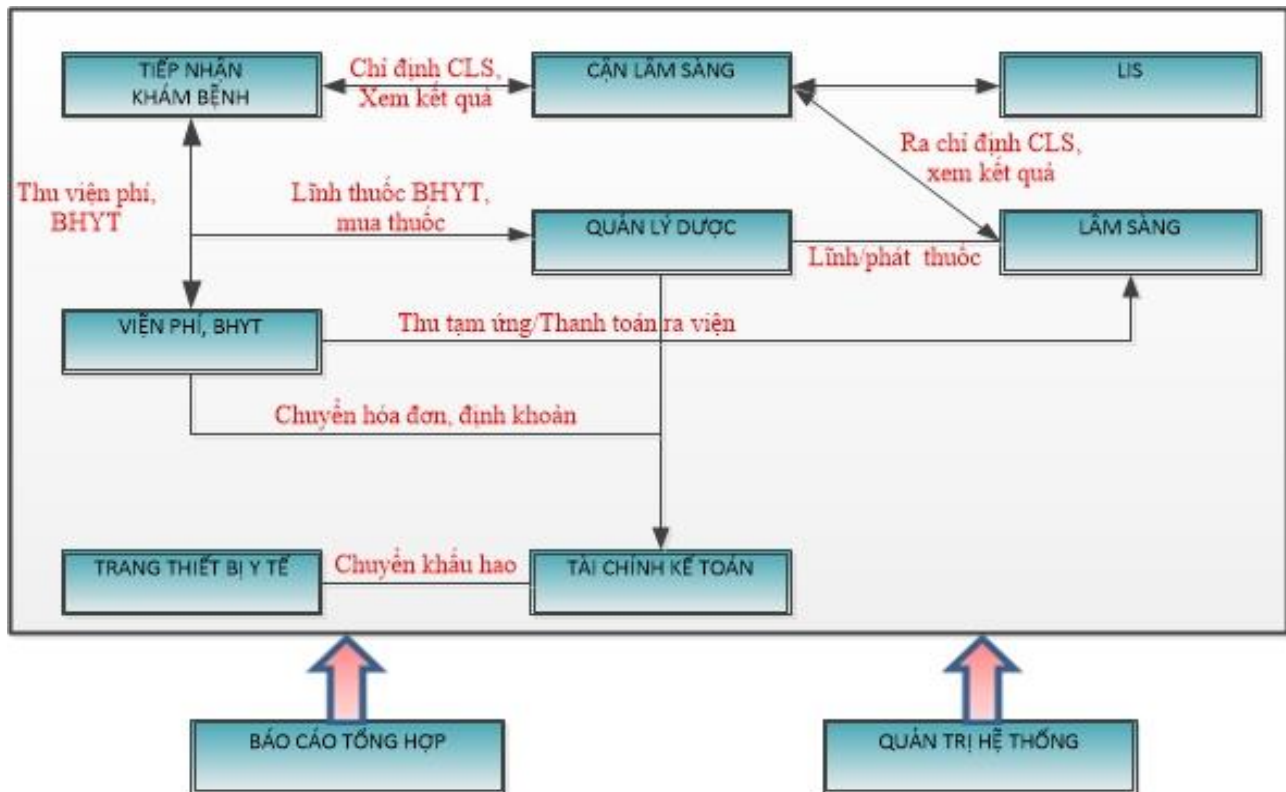
- Số lượng máy tính kết nối mạng bệnh viện: 350 Bộ; Máy in: 170 Cái.

- 02 Server chạy ứng dụng PACS (chạy Cluster) kết nối hai chiều với 02 Server chạy ứng dụng HIS, LIS.

- 02 máy chủ chạy phần mềm HIS và LIS (cấu hình cluster) kết nối với phần mềm PACS.

- Hệ thống mạng, cáp quang có backup kết nối các tòa nhà tại bệnh viện.

*** Hệ thống phần mềm tổng thể tại bệnh viện**



Sơ đồ tích hợp hệ thống công nghệ thông tin hiện tại

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh có hệ thống Công nghệ thông tin hoàn chỉnh, phần mềm quản lý bệnh viện bản quyền có thể kết nối được giữa các khoa phòng chuyên môn. Bao gồm các hệ thống phần mềm sau:

- HIS: Hospital Information System – Hệ thống thông tin y tế

+ Quản lý ngoại trú; Quản lý nội trú

+ Quản lý dược; Quản lý cận lâm sàng; Quản lý kho máu

+ Viện phí, tạm ứng

+ Quản lý vật tư, trang thiết bị y tế bệnh viện.

- Bệnh án: Lưu giữ tất cả các thông tin bệnh nhân

+ Thông tin cá nhân: Tên, tuổi, năm sinh, địa chỉ.

+ Thông tin bảo hiểm cá nhân

+ Dữ liệu khám bệnh và điều trị: bao gồm các phiếu điều trị, kết quả xét nghiệm; đơn thuốc, ...

+ Thông tin viện phí khám nội trú và ngoại trú.

- LIS (Labo Information System) tích hợp với HIS: Hệ thống lưu trữ dữ liệu xét nghiệm.

Tuy nhiên **Đánh giá hiện trạng ứng dụng CNTT tại bệnh viện theo Thông tư 54/2017/TT-BYT** ngày 29/12/2017 của BYT thì hiện nay mức ứng dụng CNTT tại bệnh viện chỉ đạt ở mức 1.

Nhóm tiêu chí hạ tầng

TT	Tiêu chí	Mức	Kết quả
1	Trang bị máy tính tối thiểu phải đáp ứng triển khai ứng dụng CNTT	mức 1	Đạt
2	Mạng nội bộ (LAN)		Đạt
3	Đường truyền kết nối Internet		Đạt
4	Máy chủ chuyên dụng (máy chủ ứng dụng/máy chủ cơ sở dữ liệu - CSDL)	mức 2	Đạt
5	Phòng máy chủ (thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị theo dõi nhiệt độ, độ ẩm; thiết bị kiểm soát người vào/ra)		Chưa có Tb theo dõi °C
6	Phần mềm hệ thống (hệ điều hành, hệ quản trị CSDL) vẫn còn được hỗ trợ từ nhà sản xuất (ngoại trừ phần mềm mã nguồn mở)		Đạt
7	Thiết bị tường lửa		Ko Đạt
8	Thiết bị lưu trữ (Máy chủ lưu trữ hoặc thiết bị lưu trữ ngoài)	mức 3	Đạt
9	Thiết bị đọc mã vạch		Đạt
10	Máy in mã vạch		Đạt
11	Hệ thống lưu trữ (SAN/NAS)	mức 4	Ko Đạt
12	Hệ thống lấy số xếp hàng		Đạt
13	Màn hình hiển thị (số xếp hàng)		Đạt
14	Bảng thông báo điện tử (Thông báo bản tin bệnh viện, giá dịch vụ y tế,...)	mức 5	Ko Đạt
15	Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh)	mức 6	Ko Đạt
16	Camera an ninh bệnh viện		Đạt
17	Mạng LAN không dây (wireless)		Đạt
18	Kios thông tin (cho phép bệnh nhân và người nhà tra cứu thông tin về bệnh viện, thông tin khám bệnh, chữa bệnh)	mức 7	Ko Đạt
19	Phần mềm giám sát mạng bệnh viện		Ko Đạt

4.2.3. Giải pháp khắc phục

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện hiện nay, cùng với hiện trạng thực tế ứng dụng CNTT tại bệnh viện thì bệnh viện hoàn toàn có thể đạt được mức 5. Vì vậy bệnh viện đã xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung một số nội dung sau:

- Cải tạo hạ tầng, nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ.
- Mua bổ sung thiết bị nhiệt kế điện tử, lắp đặt thêm camera tại phòng máy chủ bệnh viện.
- Mua bổ sung hệ thống tường lửa (Firewall), hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ dữ liệu (SAN).
- Bổ sung hệ thống dây tín hiệu kết nối tivi, xây dựng các bản tin thông báo bệnh viện, giá dịch vụ y tế,... trình chiếu trên hệ thống tivi tại khu vực đón tiếp.
- Bổ sung phần mềm quản lý bệnh viện, xây dựng hệ thống mail nội bộ (có thể sử dụng tên miền benhviendakhoatinhhaiduong.vn để làm mail nội bộ gửi, nhận thư qua internet), module Quản lý chất lượng, quản lý dinh dưỡng
- Triển khai ứng dụng hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS-PACS)

5. Hoạt động tài chính của Bệnh viện

5.1. Hoạt động thu

- Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên	33.163
- Ngân sách nhà nước cấp chi không thường xuyên	1.537
- Ngân sách nhà nước cấp xây dựng cơ bản	0
- Các nguồn thu tại đơn vị	519.877
+ <i>Viện phí</i>	25.504
+ <i>Bảo hiểm</i>	285.547
+ <i>Xã hội hóa</i>	111.280
+ <i>Khám và ĐTr tự nguyện</i>	33.346
+ <i>Thu từ nguồn khác</i>	64.200

5.2. Hoạt động chi

- Chi cho nghiệp vụ chuyên môn	342.421
--------------------------------	---------

- Chi thanh toán cho cá nhân	117.558
- Chi hành chính	27.054
- Chi mua sắm, sửa chữa	4.928

6. Hoạt động khám chữa bệnh

6.1. Hoạt động khám bệnh và điều trị ngoại trú

- Bệnh viện tích cực cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ người bệnh tại khu khám bệnh như lắp đặt thêm điều hoà, ti vi, ghế chờ, quạt trần, xây mới khu vệ sinh công cộng; xây dựng nhà cầu, làm đường dốc để người bệnh đi lại dễ dàng, thuận tiện.

- Điều động các bác sỹ có trình độ chuyên môn cao của các khoa ra các phòng khám trực tiếp khám và tư vấn cho người bệnh.

- Duy trì tốt hoạt động của “Tổ hướng dẫn và hỗ trợ người bệnh” tại khu khám bệnh.

- Cải tiến công tác kê đơn điều trị ngoại trú các bệnh: tăng huyết áp, COPD, đái tháo đường.

- Thời gian làm việc của nhân viên khoa Khám bệnh được quy định sớm hơn 30 phút để giảm thời gian người bệnh phải chờ đợi.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin: Các máy xét nghiệm đã được kết nối với hệ thống máy tính của các phòng khám giúp giảm thời gian chờ của người bệnh.

Với những nỗ lực của lãnh đạo và nhân viên Bệnh viện, sự hài lòng của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân đối với bệnh viện ngày càng tăng.

6.2. Hoạt động điều trị nội trú:

*** Ưu điểm:**

- Các hoạt động chuyên môn được bảo đảm, an toàn trong điều trị, không có sự cố lớn.

- Đa số các chỉ tiêu cơ bản đều hoàn thành và vượt mức so với kế hoạch.

- Xây dựng và ban hành bộ tài liệu chuyên môn “Phác đồ điều trị một số bệnh thường gặp” gồm 274 phác đồ điều trị áp dụng thực hiện tại bệnh viện.

- Xây dựng và ban hành tài liệu Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản phục vụ công tác giám sát, đánh giá tuân thủ quy trình của điều dưỡng; và Tài liệu Giáo dục sức khỏe

- Quy chế bệnh viện, quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị được tuân thủ nghiêm túc một cách thường xuyên.

- Sự hài lòng, niềm tin tưởng của người bệnh và gia đình người bệnh ngày càng được củng cố.

- Một số kỹ thuật mới đã được thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương dần trở thành thường quy trong các lĩnh vực: Chấn thương - Chỉnh hình, Thần kinh sọ não, Tim mạch, Tiêu hóa, Thận - Tiết niệu, Ung bướu, Chẩn đoán hình ảnh.

- Kỹ thuật Nội soi, Laser được áp dụng rộng rãi trong phẫu thuật: Tiêu hóa, Chấn thương – Chỉnh hình, Thận – Tiết niệu, Ung bướu, Tai Mũi Họng...

*** Tồn tại:**

- Thực hiện quy chế chuyên môn của một số trung tâm, khoa, phòng, bộ phận chưa tốt: quy chế hồ sơ bệnh án, lạm dụng kháng sinh, cơ cấu thuốc còn chưa hợp lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, trật tự nội vụ buồng bệnh có nơi còn hạn chế.

- Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào khám và điều trị còn chậm so với nhu cầu của nhân dân và so với khu vực.

- Triển khai ứng dụng CNTT ở một số khoa chưa tốt hay nhầm lẫn sai sót gây ảnh hưởng đến thanh quyết toán KCB BHYT, tổn nhân lực và thời gian.

6.3. Hoạt động cận lâm sàng:

* **Ưu điểm:** số lượng danh mục kỹ thuật cận lâm sàng (bao gồm điện quang, huyết học truyền máu, hóa sinh, vi sinh, giải phẫu bệnh) thực hiện tại bệnh viện bước đầu đáp ứng được nhu cầu điều trị của người bệnh

* **Tồn tại:** Tỷ lệ thực hiện phân tuyến kỹ thuật còn thấp (đạt 858/1668 = 52%).

6.4. Kết quả thực hiện danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế.

Tổng số kỹ thuật thực hiện tại bệnh viện/tổng số kỹ thuật theo phân tuyến = 9662/15876 (tỉ lệ 60,9 %).

Tổng số danh mục kỹ thuật Ngoại khoa thực hiện / tổng số kỹ thuật ngoại khoa theo phân tuyến = 1926/3101(tỉ lệ 62 %).

Tỷ lệ phân tuyến kỹ thuật ở một số chuyên khoa còn thấp như:

- Cận lâm sàng: 52%; Tim mạch 40%, Ung bướu 45%.

- **Nhi: 35%, Sản: 20%.**

Bảng tổng hợp kết quả Hoạt động chuyên môn trong khám chữa bệnh:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	Số giường bệnh	giường	700	961	137	750	1.071	143	800	1154	144
2	Tổng số khám	người	165.000	224.867	136	180.000	264.389	147	250.000	322.222	129
3	Điều trị ngoại trú	người	22.000	32.090	146	26.000	53.019	204	52.000	75.359	145

4	Điều trị nội trú	người	28.389	39.560	139	30.417	49.255	162	32.444	56.058	173
5	Ngày điều trị nội trú TB/1 BN	ngày	9	9	100	9	8	89	9	7,5	83
6	Công suất GB	%	100	137	137	100	143	143	100	144	144
7	Tỷ lệ chuyển viện	%		12140	16		12983	12,7		13480	10,2
8	Tỷ lệ tử vong	%		459	0,64		621	0,60		462	0,35
9	Phẫu thuật	ca	6.500	8.125	125	7.000	10.724	153	9250	11.908	129
10	Thủ thuật	ca	20.000	153.954	770	98.000	291.994	298	250.000	252.156	101
11	Tổng số lần xét nghiệm	Lần	1.500.000	1.942.845	129	1.700.000	2.352.446	138	2.000.000	2.307.071	115
12	Số lần chụp CT – Scanner	Lần	10.000	19.955	199	15.000	28.543	190	22.000	36.877	168
13	Số lần chụp XQ	Lần	80.000	100.173	125	86.000	87.028	101	86.000	108.650	126
14	Số lần siêu âm	Lần	40.000	46.597	116	42.000	69.484	165	60.000	83.582	139
15	Nội soi	ca	10.000	14.072	141	11.000	21.843	199	20.000	22.092	110

6.5. Công tác Dược

- Thực hiện cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đáp ứng nhu cầu khám, cấp cứu và điều trị của bệnh viện.

- Công tác bảo quản thuốc được quan tâm đặc biệt, đảm bảo các loại thuốc được bảo quản theo đúng yêu cầu về điều kiện và theo đúng quy chế chuyên môn.

- Triển khai đơn vị thông tin thuốc: tư vấn cho bác sỹ lựa chọn thuốc điều trị, hỗ trợ thông tin thuốc cho điều dưỡng sử dụng thuốc.

- Quy chế chuyên môn về dược được thực hiện nghiêm túc trong tất cả các lĩnh vực từ mua, nhập kho, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, đặc biệt là quy chế quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn về dược tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng.

- Tổ chức triển khai công tác dược lâm sàng tại các khoa của Bệnh viện

- Công tác theo dõi ADR thuốc cũng được thực hiện thường xuyên

- Đã xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2017-2018 đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh.

7. Quản lý chất lượng

Thực hiện theo Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế Bệnh viện đã có Quyết định thành lập Phòng Quản lý chất lượng theo Quyết định số 312/QĐ-BV ngày 24/06/2015.

Hội đồng Quản lý chất lượng bệnh viện được thành lập gồm 37 thành viên do giám đốc bệnh viện làm chủ tịch và phó giám đốc phụ trách chuyên môn làm phó chủ tịch, trưởng phòng Quản lý chất lượng làm thư ký. Mạng lưới quản lý chất lượng bệnh viện được thiết lập từ cấp bệnh viện đến các khoa, phòng, đơn vị trong bệnh viện, do phòng quản lý chất lượng làm đầu mối điều phối các hoạt động.

Bệnh viện đã triển khai nhiều biện pháp cải tiến chất lượng liên tục trong các lĩnh vực hoạt động như công tác chuyên môn, công tác hành chính, các biện pháp đảm bảo an toàn người bệnh. Đặc biệt từ năm 2015 đến năm 2017, được sự hỗ trợ và giúp đỡ về kiến thức, đào tạo nguồn nhân lực và tài chính của Dự án Norred Trung ương, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Quản lý Dự án Norred tỉnh Hải Dương, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương đã triển khai nhiều nội dung cải tiến chất lượng điển hình như:

- Triển khai thực hành 5 S: Qua khảo sát đánh giá thực trạng 5S trước khi tiến hành can thiệp chỉ đạt ở mức 1,7 điểm, quá trình can thiệp đã tạo nên sự thay đổi căn bản về ý thức và hành động trong toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động của bệnh viện. Đến cuối năm 2017 qua kiểm tra đánh giá theo bảng kiểm điểm trung bình khảo sát, đánh giá tại 50/50 khoa phòng trong bệnh viện đạt 4,2 điểm.

- Về cải tiến chất lượng nâng cao sự hài lòng tại khoa khám bệnh: Bệnh viện đã có nhiều giải pháp cụ thể như tổ chức khám chữa bệnh cho nhân dân cả ngày thứ 7 và chủ nhật nhằm giải tải lượng người bệnh đến khám trong những ngày thường, từ đó giảm được thời gian khám bệnh, có điều kiện hướng dẫn phục vụ người bệnh được chu đáo, chất lượng hơn. Bên cạnh đó bệnh viện đã xây dựng hệ thống nhà cầu che mưa nắng (trị giá trên 3,6 tỷ đồng), làm cầu trượt từ đầu nhà A xuống khi đăng ký khám chữa bệnh tạo điều kiện cho người bệnh đi khám chữa bệnh được thuận lợi; lắp đặt thêm nhiều bảng biểu chỉ dẫn, mua sắm cây lấy số tự động thế hệ mới hiện đại, đầu tư bình nước nóng lạnh phục vụ nhu cầu người bệnh, mua thêm đầu dò đọc mã thẻ; tăng cường huấn luyện cho đội ngũ nhân viên làm nhiệm vụ hỗ trợ người bệnh về kỹ năng và nghiệp vụ giao tiếp ứng xử; tăng cường khảo sát đánh giá sự hài lòng người bệnh. Nhờ có sự triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nên tỷ lệ hài lòng tại khoa khám bệnh đã tăng từ 94,5% năm 2016 lên 95,1% năm 2017.

- Xây dựng phác đồ chẩn đoán điều trị 10 bệnh thường gặp tại mỗi khoa lâm sàng: Năm 2017 đã tổ chức cho các khoa lâm sàng đăng ký tên phác đồ, phân công soạn thảo; tiến hành 8 hội nghị góp ý dự thảo phác đồ; tổ chức tập huấn triển khai phác đồ. Đến tháng 11 năm 2017 Bệnh viện đã ban hành Quyết định phê duyệt áp dụng 274 phác đồ trong toàn viện.

KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN TỪ 2015 – 2017 (Bộ 83 tiêu chí)

Năm	KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức					Điểm TB	Tổng số tiêu chí
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5		
2015	SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT	2	13	34	28	3	3.21	80
	% TIÊU CHÍ ĐẠT	2.5	16.25	42.5	35	3.75		100
2016	SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT	1	10	20	39	10	3.56	80
	% TIÊU CHÍ ĐẠT	1.25	12.5	25	48.75	12.5		100
2017	SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT	1	6	16	44	13	3.76	80
	% TIÊU CHÍ ĐẠT	1.25	7.5	20	55	16.25		100

8. Hoạt động Điều dưỡng

8.1. Các hoạt động chuyên môn:

Áp dụng và duy trì mô hình chăm sóc chính có hiệu quả:

- 90 % các khoa lâm sàng đã áp dụng mô hình phân công chăm sóc chính bước đầu đã mang lại hiệu quả.

- Duy trì thực hiện mô hình chăm sóc theo ca tại 2 khoa; HSTC&CD, Cấp cứu

- Duy trì thực hiện mô hình phân công chăm sóc theo công việc: khoa PHCN

Tăng cường vai trò Hội đồng điều dưỡng:

- Hội đồng thực hiện họp theo đúng quy định

- Tư vấn tham mưu cho Giám đốc về công tác chăm sóc người bệnh: Sửa đổi, bổ sung các quy trình kỹ thuật chăm sóc NB, các tài liệu.

Duy trì thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của phòng Điều dưỡng theo Thông tư 07/2011/TT-BYT:

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc người bệnh toàn diện theo quy định.

- Công tác kiểm tra giám sát: phân công mỗi khối một cán bộ kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc NB hàng ngày.

- Đã phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và điều động điều dưỡng viên khi thiếu.

- Phối hợp với khoa KSNK giám sát, kiểm tra quy định phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải y tế theo đúng Thông tư 58/TTLT-BYT-BTNMT.

Xây dựng và hoàn thiện tài liệu, biểu mẫu:

- Mẫu phiếu đánh giá ban đầu người bệnh nhập viện
- Mẫu phiếu theo dõi và chăm sóc
- 61 quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản
- Tài liệu giáo dục sức khỏe.

Xây dựng và thực hiện theo dõi 10 chỉ số đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh: Tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật; Tỷ lệ người bệnh loét tỳ đè; Tỷ lệ sai sót dùng thuốc(5 đúng); Tỷ lệ điều dưỡng được đào tạo liên tục; Tỷ lệ điều dưỡng/ giường bệnh tại các khoa lâm sàng; Tỷ lệ tuân thủ bàn giao người bệnh phẫu thuật; Tỷ lệ người bệnh chăm sóc cấp 1 được vệ sinh; Tỷ lệ người bệnh được tư vấn giáo dục sức khỏe; Tỷ lệ người bệnh được chăm sóc PHCN; Tỷ lệ người bệnh được cho ăn qua sode.

Thực hiện họp Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện và lồng ghép truyền thông GDSK và các nội dung về bảo hiểm y tế.

Triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện mô thức giao tiếp của điều dưỡng

8.2. Thực hiện nâng cao ý thức và tinh thần thái độ, phục vụ, giao tiếp ứng xử

- Thực hiện tốt các quy tắc ứng xử theo Quyết định 2151 của Bộ Y tế (trong năm không có trường hợp nào vi phạm về quy tắc ứng xử) và thực hiện mẫu mô thức giao tiếp trong chăm sóc và phục vụ người bệnh do Bệnh viện ban hành.

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh bằng các hành động: Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm....

8.3.Công tác đào tạo, tập huấn

Phòng điều dưỡng tổ chức và thực hiện đào tạo, tập huấn cho 100% điều dưỡng viên trong Bệnh viện các nội dung sau:

- Thông tư 07/2011/TT-BYT của Bộ Y tế Hướng dẫn công tác điều dưỡng chăm sóc người bệnh trong các cơ sở y tế.

- Kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe
- Cấp cứu ngừng hô hấp và tuần hoàn cơ bản
- Quy định về Quy tắc ứng xử
- Hướng dẫn ghi chép các mẫu phiếu điều dưỡng và phân cấp chăm sóc

9. Hoạt động đào tạo, chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học

9.1. Công tác đào tạo:

*** Đào tạo cho học sinh, sinh viên**

- Phối hợp với các khoa lâm sàng lập kế hoạch, phân công giảng dạy cho 3007 học sinh, sinh viên các trường, trong đó có các sinh viên trường đại học Điều Dưỡng quốc gia Nhật Bản, các học viên chuyên khoa I nội – trường Đại học Y dược Hải Phòng đạt hiệu quả cao.

*** Đào tạo cho nhân viên, cán bộ y tế**

- Thực hiện chủ trương của Lãnh đạo bệnh viện về nâng cao chuyên môn, phát triển kỹ thuật, theo kế hoạch đã cử nhiều cán bộ thuộc các đối tượng và chuyên ngành tham gia đào tạo tại tuyến trên.

- Tổ chức đào tạo hướng dẫn kỹ thuật cho các cán bộ y tế của các bệnh viện tuyến dưới về các kỹ thuật: Phẫu thuật nội soi (PTNS) cắt ruột thừa, Bác sỹ gây mê PTNS, Điều dưỡng gây mê PTNS, điều dưỡng dụng cụ PTNS, kỹ thuật xét nghiệm tế bào học, xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học..

- Thực hiện nhiệm vụ của Sở Y tế giao, bệnh viện đã xây dựng khung chương trình, tài liệu, kế hoạch đào tạo cho gần 500 lượt cán bộ y tế tuyến cơ sở. Các nội dung đào tạo năm 2017 nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

9.2. Công tác chỉ đạo tuyến

*** Thực hiện đào tạo, tiếp nhận các kỹ thuật từ bệnh viện tuyến TW**

- Cử cán bộ học tập, tiếp nhận kỹ thuật chuyển giao từ BV tuyến trên: Kỹ thuật chụp, đọc phim cắt lớp vi tính đa dãy, các kỹ thuật nội soi can thiệp đường tiêu hóa trên, kỹ thuật siêu âm tim trẻ em, siêu âm doppler mạch, lọc máu nâng cao, phẫu thuật Ung thư đầu mặt cổ...

- Tham gia bệnh viện vệ tinh với Viện Huyết học-Truyền máu Trung ương , Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2017-2020.

- Tiếp tục thực hiện tiếp nhận đào tạo, chuyển giao các gói kỹ thuật từ Bệnh viện E Trung ương.

- Tiếp nhận các trang thiết bị của Dự án Norred đưa vào sử dụng: Hệ thống PTNS khớp, điện tâm đồ gắng sức, máy siêu âm tim, Holter điện tâm đồ, Holter huyết áp... chuẩn bị cơ sở vật chất và hạ tầng cho tiếp nhận hệ thống DSA và hệ thống xạ trị.

*** Chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện tuyến huyện**

- Bệnh viện đã chuyển giao thành công gói kỹ thuật Thận nhân tạo cho Bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện Ninh Giang với hàng ngàn lượt bệnh nhân thực hiện an toàn.

- Chuyển giao các pha cho BVĐK huyện Chí Linh, Kinh Môn, Cẩm Giàng, Ninh Giang, Thanh Miện một số kỹ thuật theo kế hoạch được giao gồm:

- + Nội soi ống mềm đại – trực tràng
- + Nội soi ống mềm đường tiêu hóa trên
- + Gây mê hồi sức cơ bản, nâng cao
- + Hồi sức cấp cứu cơ bản
- + Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
- + Phẫu thuật nội soi cơ bản, cắt ruột thừa

* **Sinh hoạt khoa học:** Bệnh viện tích cực tổ chức 22 buổi hội nghị, hội thảo, sinh hoạt khoa học, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, kỹ năng thực hành, chẩn đoán điều trị bệnh cho gần 4000 lượt cán bộ y tế bệnh viện cũng như các đơn vị y tế trong tỉnh.

* **Hội chẩn trực tuyến với các bệnh viện tuyến trên**

Bệnh viện đã duy trì thường xuyên giao ban trực tuyến với Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Viện tim Hà Nội vào chiều thứ 3 hàng tuần. Với 20 buổi giao ban có gần 500 bác sỹ tham dự. Nhiều nội dung chuyên ngành đã được chia sẻ, tham khảo ý kiến tại các buổi hội chẩn.

9.3. Phát triển kỹ thuật, nghiên cứu khoa học

- Tổ chức duyệt và nghiệm thu 52 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp cơ sở.
- Tổ chức họp Hội đồng khoa học lựa chọn các đề tài có ý nghĩa giá trị thực tiễn:
 - + 02 đề tài tham gia đề tài NCKH cấp tỉnh quản lý năm 2018.
 - + 20 đề tài tham dự Hội nghị khoa học tại bệnh viện E, Hội nghị khoa học các tỉnh miền Duyên hải tổ chức tại Hải Phòng và Hội nghị khoa học liên Viện Trường tại Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương...
- Phối hợp với Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương lựa chọn 05 đề tài có ý nghĩa tham dự Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ X (2016 – 2017), kết quả đạt 02 giải ba và 01 giải khuyến khích.
- Một số kỹ thuật mới đã được thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương dần trở thành thường quy trong các lĩnh vực: Chấn thương - Chỉnh hình, Thần kinh sọ não, Tim mạch, Tiêu hóa, Thận - Tiết niệu, Ung bướu, Chẩn đoán hình ảnh:
 - + Phẫu thuật u màng não; Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cột sống cổ.
 - + Phẫu thuật thoát vị bẹn nội soi; Phẫu thuật tán sỏi qua da.
 - + Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn chụp CLVT; Nội soi phế quản ống mềm; Holter điện tim; Holter huyết áp.
 - + Tiêm khớp và phần mềm quanh khớp; HDF online
 - + Cắt polip đường tiêu hóa qua nội soi
 - + Chụp cắt lớp vi tính 128 dãy; Chụp SPECT; Xạ hình tuyến giáp
 - + Đo hoạt độ ALP; Định lượng Fe máu; Định lượng RF.
- Kỹ thuật Nội soi, Laser được áp dụng rộng rãi trong phẫu thuật: Tiêu hóa, Chấn thương – Chỉnh hình, Thận – Tiết niệu, Ung bướu, Tai Mũi Họng...

- Tổ chức thành công Hội thao kỹ thuật tuổi trẻ lần thứ nhất – năm 2017: Với sự tham gia của 20 bác sỹ. Hội thao đã tạo điều kiện cho các bác sỹ rèn luyện nâng cao tay nghề và đã làm chủ được nhiều kỹ thuật mới.

10. Đánh giá chung

10.1. Ưu điểm, thuận lợi

- Bệnh viện đa khoa hạng I, tuyến cuối của tỉnh với nhiều chuyên khoa sâu.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ của Tỉnh Ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh, Sở y tế và các đơn vị liên quan.
- Có sự đoàn kết thống nhất của Đảng, Chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên và của toàn thể cán bộ, viên chức bệnh viện.
- Lãnh đạo BV có năng lực, nhiệt tình, năng động, mong muốn đổi mới.
- Vai trò chủ động của các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận được phát huy.
- Lực lượng cán bộ trẻ chiếm đa số, nguồn nhân lực chuyên sâu được bổ sung cả về số lượng và chất lượng.
- Đề án 1816 của Bộ Y Tế, dự án Norred triển khai có hiệu quả tích cực.
- Thực hiện công tác đào tạo, chỉ đạo tuyến cho nhiều đơn vị trong tỉnh, sự hợp tác tốt với các bệnh viện tuyến trên.
- Việc cải cách một số hoạt động khám chữa bệnh, cải tạo cơ sở hạ tầng đã có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong khám chữa bệnh.

10.2. Hạn chế, tồn tại

1. Thực hiện quy chế chuyên môn của một số trung tâm, khoa, phòng, bộ phận chưa tốt: quy chế hồ sơ bệnh án, lạm dụng kháng sinh, cơ cấu thuốc còn chưa hợp lý, kiểm soát nhiễm khuẩn, trật tự nội vụ buồng bệnh một số khoa còn hạn chế.
2. Vẫn còn một số cán bộ viên chức nhận thức chưa đúng, tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu, ý thức tổ chức kỷ luật còn kém.
3. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhắc nhở chưa được quan tâm, chưa quyết liệt.
4. Vai trò tham mưu của các phòng chức năng có lúc chưa chủ động, chưa kịp thời.
5. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào khám và điều trị còn chậm so với nhu cầu của nhân dân và so với khu vực.
6. Quản lý kinh tế trong y tế ở một số trung tâm, khoa, phòng, bộ phận chưa chặt chẽ, còn hạn chế, lỏng lẻo gây lãng phí.
7. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

8. Cơ sở hạ tầng xuống cấp, thiếu đồng bộ, nhiều bất cập về thi công, hồ sơ thanh quyết toán chưa bàn giao nghiệm thu được nên khó khăn cho việc duy tu, bảo dưỡng cải tạo, sửa chữa.

9. Trang thiết bị còn thiếu so với nhu cầu sử dụng thực tế.

10. Các văn bản pháp lý giữa các bộ ban ngành chưa thống nhất nên gặp rất nhiều khó khăn trong cung ứng thuốc, vật tư, mua sắm trang thiết bị y tế.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. MỤC TIÊU

1. Tầm nhìn đến 2025

Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương phát triển, trở thành một trong những bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh hàng đầu về cơ sở khám chữa bệnh Xanh – Sạch – Đẹp và là nơi cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế chất lượng cao ở khu vực Miền Bắc; là bệnh viện thông minh, quản lý bằng công nghệ thông tin, có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, qui mô 1200 giường bệnh; có đội ngũ chuyên môn kỹ thuật trình độ cao, chuyên nghiệp luôn tâm huyết cống hiến và tự hào về Bệnh viện; Bệnh viện đảm bảo phát triển bền vững, luôn hướng đến sự hài lòng của người bệnh, gia đình người bệnh tạo sức thu hút cao đối với nhân dân trong và ngoài tỉnh đến khám chữa bệnh và sẵn sàng cho chính sách khám chữa bệnh liên thông giữa các bệnh viện tuyến tỉnh trên toàn quốc.

2. Sứ mệnh

- Đảm bảo khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao hướng tới sự hài lòng của người bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong tỉnh và khu vực, thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học, phòng chống dịch bệnh.

3. Giá trị cốt lõi

- Đảm bảo Bệnh viện phát triển cải tiến liên tục, toàn diện, bền vững. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng quản lý bệnh viện của đội ngũ cán bộ chủ chốt và tính chuyên nghiệp của viên chức, người lao động.

- Giữ gìn và nâng cao uy tín đối với nhân dân trong tỉnh và khu vực.

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, văn hóa, đoàn kết nội bộ tốt, phát huy sức mạnh tập thể.

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung

- Thực hiện quản lý, điều hành hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện đảm bảo đúng chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước;
- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị hiện đại đảm bảo phù hợp với bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, hạng 1, có qui mô 1200 giường bệnh cho đến năm 2025; tăng cường xã hội hóa, liên danh liên kết với các nhà đầu tư và với các bệnh viện trung ương;
- Tuyển dụng, đào tạo và xây dựng được đội ngũ cán bộ viên chức làm việc chuyên nghiệp theo vị trí việc làm, thực hiện tốt qui tắc ứng xử. Đặc biệt nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chủ chốt;
- Phát triển khoa học kỹ thuật, thực hiện hầu hết các dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, thực hiện được thêm nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến, kỹ thuật tuyến trung ương. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đáp ứng được tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Nâng cao uy tín của Bệnh viện với nhân dân trong tỉnh và khu vực.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ viên chức, tạo môi trường làm việc thân thiện, xây dựng môi đoàn kết nội bộ tốt, thực hiện qui chế dân chủ, xây dựng lòng tin và niềm tự hào cho cán bộ viên chức để họ sẵn sàng làm việc, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Bệnh viện.

4.2. Mục tiêu cụ thể.

- Mục tiêu 1: Thực hiện rà soát qui hoạch Bệnh viện, căn cứ vào mục tiêu phát triển, mở rộng qui mô hoạt động khám chữa bệnh, xin điều chỉnh bổ sung qui hoạch xây dựng tổng thể của bệnh viện cho phù hợp khi tăng thêm 400 giường bệnh kế hoạch. Đề xuất triển khai thực hiện Đề án Nhà Kỹ thuật cao, khám chữa bệnh tự nguyện với qui mô 9 tầng tại khu phía bắc khối Nhà A;
- Mục tiêu 2: Rà soát trang thiết bị, xây dựng Đề án bổ sung trang thiết bị y tế theo danh mục đã được phê duyệt, đề xuất cấp có thẩm quyền cho chủ trương đầu tư và phê duyệt đề án;
- Mục tiêu 3: Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao, phong cách phục vụ chuyên nghiệp. Xây dựng đề án vị trí việc làm, tuyển dụng thêm nhân lực cho đủ 1300 người làm việc ở năm 2020 và 1500 người làm việc ở năm 2025, bố trí nhân lực phù hợp cho từng cán bộ viên chức; tổ chức mở lớp đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng làm việc, kỹ năng ứng xử cho đội ngũ viên chức làm việc chuyên nghiệp; thực hiện liên kết nguồn nhân lực chất lượng cao từ các bệnh viện tuyến trung ương theo các hình thức: Đào tạo chuyển giao kỹ thuật; thực hiện trực tiếp kỹ thuật tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Tiếp nhận đầy đủ các gói kỹ thuật theo Đề án Bệnh viện vệ tinh, Dự án Norred.
- Mục tiêu 4: Thực hiện 80% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến, thực hiện được thêm nhiều kỹ thuật cao, phân tuyến kỹ thuật trung ương
- Mục tiêu 5: Tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh và gia đình người bệnh đối với Bệnh viện, tăng thu hút nhân dân đến khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương;
- Mục tiêu 6: Tiếp tục hoàn thiện và phát triển Trung tâm Tim mạch, Trung tâm Ung bướu. Triển khai thực hiện các kỹ thuật Tim mạch can thiệp và Xạ trị vào hoạt động trước năm 2020.

- Mục tiêu 7: Đến năm 2025 mở rộng qui mô tổ chức hoạt động chuyên môn bao gồm thành lập Trung tâm Chấn thương – Chỉnh hình (từ khoa Chấn thương – Chỉnh hình và phần phẫu thuật Cột sống của khoa Ngoại 2); Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận; đơn vị Đột quỵ; khoa Truyền máu - Huyết học lâm sàng; khoa Nội Cơ - Xương - Khớp; Trung tâm xét nghiệm; Phòng Nghiên cứu Khoa học – Hợp tác quốc tế.

- Mục tiêu 8: Quản lý kinh tế trong y tế hiệu quả, công khai minh bạch. Giảm nguy cơ xuất toán BHYT, tăng chênh lệch thu chi; tăng thu nhập hàng tháng cho cán bộ viên chức lên 8 triệu/năm 2020 và 15 triệu/năm 2025; nâng cao chất lượng tham quan du lịch hàng năm; khám sức khỏe định kỳ mỗi năm từ 1 – 2 lần;

- Mục tiêu 9: Thực hiện nghiêm thông tư 54/2017/BYT về ứng dụng Công nghệ thông tin trong bệnh viện. Nâng cấp cơ sở hạ tầng và phát triển hệ thống Công nghệ thông tin. Ứng dụng hiệu quả và đầy đủ các phần mềm trong công tác khám, chữa bệnh và quản lý bệnh viện, thực hiện trước năm 2020;

- Mục tiêu 10: Thực hiện cải tiến chất lượng bệnh viện liên tục theo bộ 83 tiêu chí và Kế hoạch 1333/BYT/2017. Điểm trung bình đạt 4,2 năm 2020 và 4,5 năm 2025. Đảm bảo duy trì ổn định ở mức 90% - 95% tỷ lệ người bệnh hài lòng với bệnh viện.

5. Các chỉ tiêu cụ thể

5.1. Giai đoạn 2018 - 2020.

5.1.1. Tổ chức bộ máy và qui mô tổ chức hoạt động

- Nhân lực và tổ chức bộ máy: 1300 người lao động
- + BGĐ: Giám đốc và 3 phó giám đốc;
- + 12 trưởng phòng; 4 giám đốc trung tâm; 35 trưởng khoa; 20 phó trưởng phòng; 41 phó trưởng khoa; 7 phó giám đốc trung tâm; 48 điều dưỡng, kỹ thuật viên trưởng khoa, trung tâm;
- + 1130 người lao động và hợp đồng 68.
- + Văn phòng Đảng ủy;
- + Văn phòng Công đoàn;
- Qui mô tổ chức hoạt động
- + Đến năm 2020: 1000 giường kế hoạch.
- + Thành lập Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận, đơn vị Đột quỵ;
- + Thành lập Trung tâm xét nghiệm;
- + Khoa Truyền máu và Huyết học lâm sàng;

5.1.2. Chuyên môn kỹ thuật

Đến năm 2020 phân tuyến kỹ thuật phần đầu đạt tỷ lệ 70% tức là tăng 1700 danh mục kỹ thuật so với năm 2017, tập trung ở lĩnh vực tim mạch, ung bướu, ngoại khoa và cận lâm sàng.

Triển khai các kỹ thuật mới:

- Trung tâm Tim mạch: Triển khai các kỹ thuật can thiệp tim mạch như: Đặt Stent mạch vành, đặt máy tạo nhịp tim, can thiệp tĩnh mạch nội mạc.

- Trung tâm Ung bướu: Triển khai các kỹ thuật xạ trị trong điều trị các bệnh lý ung thư trước và sau phẫu thuật.

+ Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày, đại trực tràng, tử cung.

+ Phẫu thuật nội soi tán sỏi đường mật trong gan và qua đường hầm Kehr.

+ Phát triển phẫu thuật vi phẫu trong Chấn thương chỉnh hình như: Chuyển vật tự do, chuyển vật có công mạch liền, trồng lại chi thể đứt rời, nối thần kinh, mạch máu ngoại vi, điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc hoặc bằng huyết tương tự thân; điều trị bỏng và vết loét lâu liền bằng tế bào gốc

+ Phẫu thuật nội soi khớp vai.

+ Ứng dụng Phẫu thuật robot trong phẫu thuật hệ tiết niệu; Phẫu thuật cắt bóc hơi tuyến tiền liệt bằng lazer.

+ Phẫu thuật nội soi lồng ngực nâng xương ức, cắt kén khí, đốt hạch giao cảm ngực.

+ Phẫu thuật điều trị chấn thương cột sống cổ, thoát vị đĩa đệm đốt sống cổ.

+ Phẫu thuật tim hở.

Nội khoa: Kỹ thuật lọc máu hấp phụ; Kỹ thuật ECHMO; Triển khai mở rộng các thủ thuật có ứng dụng siêu âm và nội soi can thiệp.

5.1.3. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế.

* Cơ sở hạ tầng:

- Xây dựng và đi vào hoạt động khu nhà xạ trị trong năm 2018.

- Xây dựng khu nhà Kỹ thuật cao, khám và điều trị tự nguyện tại khu vực phía Bắc khối Nhà A.

- Cải tạo một phần tầng 5 khu nhà B thành khu Can thiệp tim mạch.

- Cải tạo tầng 2 nhà B thành Khoa Khám dò chức năng và Khoa Chẩn đoán hình ảnh.

- Sử dụng một phần tầng 6 nhà B thành buồng bệnh của Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận (Trung tâm Thận nhân tạo gồm tầng 7 và một phần tầng 6 nhà B).

* Bổ sung các trang thiết bị:

- Máy xạ trị gia tốc; Hệ thống xạ trị áp trong liều cao; Hệ thống mạng thông tin điều trị xạ trị; Bộ dụng cụ định vị bệnh nhân cho khoa Xạ trị và y học hạt nhân.

- Máy DSA và các thiết bị đi kèm phòng can thiệp tim mạch;

- Bổ sung các trang thiết bị để triển khai thêm 05 phòng mổ (tầng 5 khu nhà B) nâng tổng số phòng mổ là 10 phòng (8 buồng mổ nội soi, mổ mở, 01 phòng mổ tim, 01 phòng mổ Lazer).

- Bổ sung máy thở, dàn máy phẫu thuật nội soi, nội soi chẩn đoán; bơm tiêm điện; monitor theo dõi, máy truyền dịch; máy thực hiện kỹ thuật lọc máu hấp phụ và máy chạy ECHMO; máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ cao;

- Bổ sung 30 máy chạy thận nhân tạo cho Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận.

- Nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện. Triển khai bệnh án điện tử (EMR), ứng dụng phần mềm quản lý thông tin HIS, LIS, hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS-PACS).

5.2. Giai đoạn 2020 – 2025.

5.2.1. Tổ chức bộ máy và qui mô tổ chức hoạt động

- Nhân lực và tổ chức bộ máy: 1500 người lao động
- + BGĐ: Giám đốc và 3 phó giám đốc;
- + 12 trưởng phòng; 5 giám đốc trung tâm; 35 trưởng khoa; 20 phó trưởng phòng; 41 phó trưởng khoa; 9 phó giám đốc trung tâm; 49 điều dưỡng, kỹ thuật viên trưởng khoa, trung tâm;
- + 1329 người lao động và hợp đồng 68.
- + Văn phòng Đảng ủy;
- + Văn phòng Công đoàn;
- Qui mô tổ chức hoạt động
- + Đến năm 2025: 1200 giường kế hoạch.
- + Thành lập Trung tâm Chấn thương – Chỉnh hình;
- + Thành lập khoa Cơ – Xương – Khớp;
- + Phòng Nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế;

5.2.2. Chuyên môn

Đến năm 2025 phân tuyến kỹ thuật phân đầu đạt tỷ lệ $\geq 80\%$ tức là tăng 793 kỹ thuật so với năm 2020; Số kỹ thuật vượt tuyến chiếm $\geq 5\%$ tổng số phân tuyến kỹ thuật của tuyến trên.

Triển khai các kỹ thuật mới:

- Trung tâm Ung bướu: Điều trị bệnh Basedow, K giáp bằng iod phóng xạ; Phẫu thuật nội soi lồng ngực.
- Trung tâm Tim mạch: Triển khai thường quy các can thiệp về mạch máu, bao gồm cả mạch máu ngoại biên và mạch tạng; Phẫu thuật tim hở thường quy điều trị các bệnh lý tim bẩm sinh, bệnh lý van tim, mạch máu, chấn thương.
- Phẫu thuật nội soi cắt thùy phổi, phẫu thuật nội soi tuyến yên; Phẫu thuật u não, dị dạng mạch máu não; Phẫu thuật K thực quản...

5.2.3. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

*** Cơ sở hạ tầng:**

- Xây dựng trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận trong khuôn viên Bệnh viện.
- Cải tạo cơ sở hạ tầng của bệnh viện để triển khai hoạt động của Trung tâm Chấn thương - Chỉnh hình; khoa Truyền máu - Huyết học lâm sàng.

*** Trang thiết bị:**

- Bổ sung thêm các trang thiết bị phòng mổ như giàn máy nội soi, bộ dụng cụ nội soi, kính hiển vi; Các bộ dụng cụ đại phẫu, vi phẫu theo chuyên khoa.
- Bổ sung các trang thiết bị cho Trung tâm Ung bướu như máy đo độ tập trung I -131, máy chuẩn liều (dose calibrator), máy cắt lạnh, máy đúc bệnh phẩm, bộ dụng cụ pha bệnh phẩm mô học ...
- Bổ sung các trang thiết bị cho Trung tâm tim mạch như: Hệ thống giường hồi sức sau mổ tim, máy thở, hệ thống monitor, bơm tiêm điện...

- Bổ sung máy chạy thận nhân tạo cho trung tâm Thận nhân tạo- Nội thận.

II. CÁC GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Giai đoạn 2018 – 2020

1.1. Tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

1.1.1 Tổ chức bộ máy

Từng bước hoàn thiện về tổ chức bộ máy, biên chế của bệnh viện theo quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế, Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Nội vụ, Đề án Thành lập Trung tâm Tim mạch; Đề án thành lập Trung tâm Ung bướu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đến năm 2020 số giường bệnh kế hoạch dự kiến là 1000 giường bệnh, số cán bộ nhân viên bệnh viện dự kiến là 1300 người.

- Thành lập Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận, đơn vị Đột quỵ; Trung tâm xét nghiệm; Khoa Truyền máu và Huyết học lâm sàng;

Lộ trình:

- Năm 2018: Tuyển dụng thêm 30 bác sỹ, 50 điều dưỡng, KTV, dược, 27 cán bộ ngoài y, dược.

- Năm 2019: Thành lập Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận. Tuyển dụng thêm 25 bác sỹ; 55 điều dưỡng; 20 cán bộ ngoài y dược.

- Năm 2020: Thành lập Đơn vị Đột quỵ; Trung tâm xét nghiệm; Khoa Truyền máu và Huyết học lâm sàng. Tuyển dụng thêm 22 bác sỹ; 40 điều dưỡng, dược, KTV; 6 cán bộ ngoài y dược.

1.1.2. Phát triển nguồn nhân lực

a) Giải pháp về đổi mới công tác tổ chức cán bộ

- Tiêu chuẩn hoá và cân đối nhu cầu nhân lực y tế về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo từng chuyên khoa và kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ trong từng lĩnh vực.

- Rà soát nhân lực về số lượng, cơ cấu trình độ, những bất cập trong bố trí, sử dụng nhân lực của các khoa, phòng. Xác định nhu cầu về nhân lực của từng khoa/phòng theo đề án vị trí việc làm từ đó điều chỉnh đội ngũ cán bộ chuyên môn hợp lý trong từng lĩnh vực.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và CBVC.

- Triển khai thực hiện chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” một cách sâu rộng trong cơ quan.

- Thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, Quyết định 2151/QĐ-BYT của Bộ Y tế trong công việc thực tế hàng ngày.

- Nêu cao tính gương mẫu, tiên phong của đảng viên, cán bộ lãnh đạo và xác định vai trò của người đứng đầu các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận.

- Xây dựng, rèn luyện tính tự giác, tích cực lao động, học tập của CBVC. Phát huy tinh thần làm chủ, tinh thần trách nhiệm, lao động sáng tạo của CBVC.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 về việc “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

b) Giải pháp về chính sách thu hút cán bộ:

- Tham mưu Sở Y tế, UBND tỉnh chính sách thu hút các sinh viên giỏi, cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia giỏi về công tác tại bệnh viện.

- Xây dựng và đề xuất các chính sách để tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ cán bộ có trình độ cao tại bệnh viện. Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để thu hút nhân tài, giữ chân người giỏi, để họ gắn bó lâu dài và tích cực cống hiến có hiệu quả cho Bệnh viện. Cơ chế ưu đãi ở những chuyên khoa tối cần thiết.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong bệnh viện, xây dựng và đẩy mạnh phong trào thi đua, đặc biệt là việc xây dựng các đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến.

c) Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế, Dự án Norred một cách có hiệu quả.

- Mở rộng các hình thức đào tạo cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên để triển khai các kỹ thuật mới.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ Thầy thuốc nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới vào khám chữa bệnh.

- Tập trung đào tạo một số chuyên ngành mới để chuẩn bị cho thành lập các khoa mới.

- Mở các khóa đào tạo ngắn hạn về công tác quản lý cho cán bộ y tế, đặc biệt là quản lý bệnh viện, kinh tế trong y tế.

1.2. Phát triển chuyên môn, khoa học kỹ thuật

Đến năm 2020 phân tuyến kỹ thuật phân đầu đạt tỷ lệ 70% tức là tăng 1700 kỹ thuật so với năm 2017.

* **Trung tâm Tim mạch:** Triển khai các kỹ thuật can thiệp tim mạch như: Đặt stent mạch vành, đặt máy tạo nhịp tim, can thiệp tĩnh mạch nội mạc.

* **Trung tâm Ung bướu:** Triển khai các kỹ thuật xạ trị trong điều trị các bệnh lý ung thư trước và sau phẫu thuật.

*** Ngoại khoa**

+ Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày, đại trực tràng, tử cung.

+ Phẫu thuật nội soi tán sỏi đường mật trong gan và qua đường hầm Kehr.

+ Phát triển phẫu thuật vi phẫu trong Chấn thương chỉnh hình như: Chuyển vật tự do, chuyển vật có công mạch liền, trồng lại chi thể đứt rời, nối thần kinh, mạch máu ngoại vi...

+ Phẫu thuật nội soi khớp vai.

+ Ứng dụng Phẫu thuật robot trong phẫu thuật hệ tiết niệu; Phẫu thuật cắt bóc hơi tuyến tiền liệt bằng lazer.

+ Phẫu thuật nội soi lồng ngực nâng xương ức, cắt kén khí, đốt hạch giao cảm ngực.

+ Phẫu thuật điều trị chấn thương cột sống cổ, thoát vị đĩa đệm đốt sống cổ.

+ Phẫu thuật tim hở.

* **Nhi khoa:** Phát triển các kỹ thuật nhi khoa như các kỹ thuật nội soi thăm dò, phẫu thuật tiêu hóa, tiết niệu, chấn thương chỉnh hình, phục hồi chức năng...

* **Nội khoa:** Triển khai mở rộng các thủ thuật có ứng dụng siêu âm và nội soi can thiệp, các kỹ thuật tiêm khớp...

* **Cận lâm sàng:**

- Chẩn đoán hình ảnh: Phối hợp với các khoa lâm sàng triển khai các kỹ thuật sinh thiết, chọc hút, dẫn lưu dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp cắt lớp vi tính.

- Huyết học: Phát triển các xét nghiệm về đông máu, chẩn đoán các bệnh lý về máu như: Xét nghiệm Dimer; Định lượng các yếu tố đông máu; Đo độ tập trung tiểu cầu (xét nghiệm trên máy); Đo sức bền hồng cầu trên máy; Hóa học tế bào (nhuộm hóa học tế bào); Sinh thiết tủy xương; Xác định nhóm máu bằng Gelcard.

- Hóa sinh: Phát triển các xét nghiệm theo nhu cầu phát triển của các khoa lâm sàng, đặc biệt là các xét nghiệm chẩn đoán sớm, các xét nghiệm theo dõi, tiên lượng các bệnh ung thư...

1.3. Sửa chữa, xây dựng cơ sở hạ tầng

- Xây dựng và đi vào hoạt động khu nhà xạ trị tại khu vực phía Tây Bắc bệnh viện (trước khu nhà Truyền nhiễm) phục vụ điều trị xạ trị cho các bệnh nhân trước và sau phẫu thuật. Đây là khu nhà có thiết kế chuyên biệt để đảm bảo an toàn cho môi trường và con người xung quanh.

- Xây dựng khu nhà Kỹ thuật cao, khám chữa bệnh tự nguyện phía Bắc của Nhà A. Với lượng bệnh nhân khám và điều trị như hiện nay cơ sở hạ tầng của khoa Khám và điều trị tự nguyện; Trung tâm tim mạch đã trở nên chật hẹp. Trong thời gian không xa nếu không được mở rộng thì hai đơn vị này không thể đáp ứng được nhu cầu của người bệnh.

- Cải tạo một phần tầng 5 khu nhà B thành khu can thiệp tim mạch.

- Mở rộng cơ sở hạ tầng của khoa Thăm dò chức năng: Hiện cơ sở hạ tầng của khoa Thăm dò chức năng tại tầng 3 nhà A rất chật hẹp, cần được mở rộng để đáp ứng được nhu cầu của người bệnh. Do vậy sẽ cải tạo tầng 2 nhà B thành Khoa Thăm dò chức năng.

1.4. Bổ sung các trang thiết bị

- Trung tâm Ung bướu: Máy xạ trị gia tốc; Hệ thống xạ trị áp trong liều cao; Hệ thống mạng thông tin điều trị xạ trị; Bộ dụng cụ định vị bệnh nhân cho khoa Xạ trị và y học hạt nhân.

- Trung tâm tim mạch: Máy DSA và các thiết bị đi kèm phòng can thiệp tim mạch, máy siêu âm tim với đầu dò thực quản cho người lớn và trẻ em, máy phá rung tim, monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số.

- Ngoại khoa: Bổ sung các trang thiết bị để triển khai thêm 05 phòng mổ (tầng 5 khu nhà B); Bộ dụng cụ đại phẫu người lớn, trẻ em; Dụng cụ phẫu thuật vi phẫu; Kính hiển vi; Bộ dụng cụ nội soi người lớn, trẻ em; Giàn máy nội soi; Dao điện; Dao siêu âm...

- Bổ sung 30 – 40 máy chạy thận nhân tạo cho Trung tâm Thận nhân tạo.

- Nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện. Triển khai bệnh án điện tử (EMR), ứng dụng phần mềm quản lý thông tin HIS, LIS, hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS-PACS).

1.5. Giải pháp công tác quản lý:

- Tăng cường quản lý về chuyên môn:

+ Xây dựng, triển khai bộ tiêu chí kiểm tra đánh giá hoạt động tổng thể của các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận.

+ Tuân thủ thực hiện các quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị trong tất cả các hoạt động chuyên môn. Hàng năm rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cập nhật những quy trình, phác đồ mới.

+ Thực hiện đúng quy chế bệnh viện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Thực hiện tốt chế độ báo cáo về sự cố y khoa.

+ Ghi chép HSBA đúng quy định; Chỉ định thuốc, dịch vụ kỹ thuật, cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán bảo đảm quyền lợi của người bệnh, an toàn và hiệu quả.

- Tăng cường quản lý quản lý kinh tế trong y tế:

+ Định mức vật tư y tế tiêu hao, hóa chất cho từng dịch vụ kỹ thuật.

+ Định mức văn phòng phẩm cho từng trung tâm, khoa, phòng, bộ phận.

+ Thực hiện triệt để tiết kiệm điện, nước, đồ dùng sinh hoạt, văn phòng phẩm, xăng dầu...

+ Bảo đảm thu đúng thu đủ, chính xác theo quy định một cách công khai, minh bạch.

+ Tận dụng, khai thác tối đa các nguồn thu hợp pháp, đúng quy định.

+ Sử dụng, chỉ định thuốc, xét nghiệm, cận lâm sàng, vật tư y tế phù hợp, hiệu quả, bảo đảm cơ cấu viện phí hợp lý và ổn định.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ ở các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận của Lãnh đạo bệnh viện và của các phòng chức năng:

+ Xây dựng các bảng kiểm để thực hiện việc theo dõi, đánh giá, kiểm tra các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận.

+ Xây dựng kế hoạch, nội dung, chuyên đề kiểm tra để đánh giá cho sát thực, có trọng tâm, trọng điểm.

+ Thành lập các tổ, bộ phận tham mưu, tổ chức triển khai các nội dung kiểm tra, giám sát để kịp thời nắm bắt hạn chế, tồn tại nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện tìm nguyên nhân giúp các khoa khắc phục.

- Quản lý giám sát thu chi khách quan dân chủ:
- + Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp.
- + Xây dựng Quy chế và thực hiện nghiêm minh công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật.
- + Hạch toán thu chi hàng tháng cho từng khoa để điều chỉnh.
- + Quản lý chặt chẽ đầu vào đầu ra bảo đảm có hiệu quả.
- + Ứng dụng CNTT vào quản lý toàn bộ hoạt động của bệnh viện, bảo đảm chính xác, khách quan, thuận tiện, giảm bớt nhân lực.
- + Mọi cán bộ viên chức chủ động tích cực tham gia quản lý, giám sát nguồn thu chi của đơn vị.
- Thực hiện nghiêm minh công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật.

1.6. Giải pháp nâng cao chất lượng bệnh viện

- Không ngừng cải tiến chất lượng khám chữa bệnh về mọi mặt: trình độ chuyên môn, trang thiết bị hiện đại, tinh thần thái độ phục vụ, kỹ năng giao tiếp ứng xử...
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Duy trì áp dụng thực hiện 5S ở tất cả các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận trong bệnh viện.
- Hình thành tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp
- Tuân thủ nghiêm túc các quy trình kỹ thuật chuyên môn trong khám chữa bệnh.
- Xây dựng môi trường làm việc Xanh - Sạch - Đẹp đảm bảo thân thiện, văn minh, lịch sự và thuận tiện theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 17/07/2016 của Bộ Y tế.
- Thường xuyên quảng bá hình ảnh, năng lực chuyên môn của bệnh viện trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Chủ động tích cực lấy ý kiến đóng góp của người bệnh và người nhà người bệnh để có kế hoạch, chiến lược cải cách, điều chỉnh phù hợp.
- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, minh bạch, bình đẳng, dân chủ có kỷ cương trong hoạt động bệnh viện.

1.7. Giải pháp tăng cường thu hút người bệnh bảo đảm thanh quyết toán khám chữa bệnh BHYT đúng quy định:

- Thu hút người bệnh:
- + Nâng cao tinh thần thái độ, đổi mới phong cách phục vụ.
- + Cải tạo cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị hiện đại, phát triển kỹ thuật mới.
- + Nâng cao chất lượng KCB và hiệu quả điều trị.
- + Đa dạng hóa các hình thức phục vụ đáp ứng mọi nhu cầu của người bệnh.
- + Tạo lòng tin và khẳng định thương hiệu Bệnh viện một cách bền vững.
- Bảo đảm thanh quyết toán KCB BHYT đúng quy định:
- + Nghiên cứu kỹ và thực hiện đúng các văn bản quy phạm hướng dẫn.
- + Hồ sơ bệnh án đầy đủ các nội dung theo quy định.
- + Nhận xét kê đơn thuốc, chỉ định CLS, DVKT phù hợp, đúng đủ, chính xác.
- + Phối hợp tốt với cơ quan BHXH để bảo đảm quyền lợi cho người bệnh có BHYT.

+ Tăng cường giải thích, hướng dẫn các quy định về KCB BHYT cho người bệnh hiểu và thực hiện đúng.

+ Tăng cường tuyên truyền vận động mọi người dân tham gia BHYT.

1.8. Tăng cường sự hỗ trợ của bệnh viện tuyến trên và hợp tác quốc tế

- Tranh thủ sự hỗ trợ của tuyến trên, tích cực đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ thuật mới.

- Chủ động tham gia bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện tuyến TW như bệnh viện E, bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện K, viện Huyết học truyền máu TW.

- Đẩy mạnh ký kết hợp tác đào tạo, chuyển giao gói kỹ thuật với các bệnh viện đầu ngành.

- Hợp tác chuyên gia với các Giáo sư, Phó giáo sư y học đương chức hoặc đã nghỉ hưu tham gia khám chữa bệnh, tư vấn và đào tạo tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương.

1.9. Giải pháp tài chính

1.9.1. Dự kiến nguồn thu theo các năm

STT	NGUỒN	KINH PHÍ (Triệu đồng)		
		2018	2019	2020
1	Bảo hiểm y tế	260.300	290.600	314.400
2	Viện phí	42.000	45.100	49.600
3	Các loại dịch vụ	51.400	51.400	51.400
4	Huy động xã hội hóa	107.300	117.900	129.600

1.9.2. Dự kiến chi theo các năm

STT	NỘI DUNG CHI	KINH PHÍ (Triệu đồng)		
		2018	2019	2020
1	Con người	125.419	137.960	151.756
2	Hành chính	21.068	23.175	25.492
3	Chuyên môn	299.126	326.940	359.135
4	Đào tạo	1.000	1.100	1.210
5	Mua sắm	14.387	15.825	17.407

2. Giai đoạn 2021 – 2015.

2.1. Tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

2.1.1. Tổ chức bộ máy

Đến năm 2025 nâng chỉ tiêu giường kế hoạch của bệnh viện được giao là 1200 giường. Thành lập Trung tâm Chấn thương chỉnh hình, Đơn vị Đột quy; Khoa Huyết học lâm sàng.

Lộ trình:

- Năm 2021: Tăng thêm 100 giường, đưa tổng số giường kế hoạch của bệnh viện là 1100 giường. Thành lập Trung tâm Chấn thương chỉnh hình trên cơ sở khoa Ngoại 1(Ngoại Chấn thương chỉnh hình) với số giường kế hoạch là 150 giường; Thành lập Đơn vị Đột quy trên cơ sở khoa Thần kinh với số giường bệnh là 30.

- Năm 2022: Giường kế hoạch là 1150 giường. Thành lập khoa Huyết học lâm sàng với 30 giường kế hoạch.

- Năm 2024; Năm 2025: Giường kế hoạch là 1200 giường.

2.1.2. Phát triển nguồn nhân lực

Căn cứ Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007, Quy hoạch phát triển ngành y tế theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2016 của UBND tỉnh Hải Dương. Bệnh viện đa khoa tỉnh xây dựng định mức phát triển nguồn nhân lực y tế như sau:

- Bác sỹ: Mỗi năm tuyển dụng 15 bác sỹ.
- Điều dưỡng, kỹ thuật viên: Mỗi năm tuyển dụng 30 người.
- Cán bộ ngoài y, dược: Mỗi năm tuyển dụng 3 – 5 người.

2.2. Phát triển chuyên môn, khoa học kỹ thuật

Đến năm 2025 phân tuyến kỹ thuật phấn đấu đạt tỷ lệ $\geq 80\%$. Số kỹ thuật vượt tuyến chiếm $\geq 5\%$ tổng số phân tuyến kỹ thuật của tuyến trên.

Triển khai các kỹ thuật mới:

- Trung tâm Ung bướu: Điều trị bệnh Basedow, K giáp bằng iod phóng xạ; Phẫu thuật nội soi lồng ngực.

- Trung tâm Tim mạch: Triển khai thường quy các can thiệp về mạch máu, bao gồm cả mạch máu ngoại biên và mạch tạng; Phẫu thuật tim hở thường quy điều trị các bệnh lý tim bẩm sinh, bệnh lý van tim, mạch máu, chấn thương.

- Phẫu thuật nội soi cắt thùy phổi, phẫu thuật nội soi tuyến yên; Phẫu thuật u não, dị dạng mạch máu não; Phẫu thuật K thực quản...

- Nhi khoa: Phát triển các kỹ thuật can thiệp tim mạch và phẫu thuật các bệnh lý bẩm sinh về tim mạch.

2.3. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

*** Cơ sở hạ tầng**

- Xây dựng Trung tâm Thân nhân tạo - Nội thận.
- Cải tạo cơ sở hạ tầng của bệnh viện để triển khai hoạt động của Trung tâm Chấn thương chỉnh hình trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm Ung bướu (Tầng 2 nhà D).

*** Trang thiết bị:**

- Bổ sung thêm các trang thiết bị phòng mổ tim như bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu; Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực; Hệ thống phẫu thuật nội soi lồng ngực; Bộ dụng cụ phẫu

thuật tim trẻ em; Bộ dụng cụ phẫu thuật tim người lớn; Máy phá rung tim trong; Máy tạo nhịp; Monitor 10 thông số...

- Bổ sung các trang thiết bị cho Hệ thống giường hồi sức sau mổ tim: Giường hồi sức; Máy thở, monitor 7 thông số, bơm tiêm điện...

- Bổ sung các trang thiết bị cho Trung tâm Ung bướu như máy đo độ tập trung I -131, máy chuẩn liều (dose calibrator), máy cất lạnh, máy đúc bệnh phẩm, bộ dụng cụ pha bệnh phẩm mô học ...

III. KẾ HOẠCH

STT	Nhóm hoạt động	Thời gian		Trách nhiệm		Kết quả dự kiến
		Bắt đầu	Kết thúc	Chính	Phối hợp	
Mục tiêu 1: Điều chỉnh bổ sung qui hoạch xây dựng tổng thể bệnh viện cho phù hợp khi tăng thêm 400 giường bệnh kế hoạch. Triển khai thực hiện Đề án Nhà Kỹ thuật cao, khám chữa bệnh tự nguyện với qui mô 9 tầng tại khu phía bắc khối Nhà A.						
1	Lãnh đạo BV	2018	2020	x		- Triển khai thực hiện Đề án Nhà Kỹ thuật cao, khám chữa bệnh tự nguyện. - Xây dựng đề án bổ sung quy hoạch xây dựng Bv khi bổ sung thêm 400 giường bệnh.
2	Phòng Hành chính	2018	2020	x		
3	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2020		x	
4	Phòng Vật tư	2018	2020		x	
5	Phòng Tài chính kế toán	2018	2020		x	
6	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2020		x	
Mục tiêu 2: Xây dựng Đề án bổ sung trang thiết bị y tế theo danh mục đã được phê duyệt						
1	Phòng Vật tư	2018	2020	x		Bổ sung trang thiết bị y tế theo danh mục đã được phê duyệt
2	Phòng Tài chính kế toán	2018	2020		x	
3	Phòng Hành chính	2018	2020		x	
Mục tiêu 3: Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao, phong cách phục vụ chuyên nghiệp, đủ về số lượng theo đề án việc làm.						
1	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2020	x		Đội ngũ cán bộ y tế
2	Phòng Đào tạo- CĐT	2018	2020		x	
3	Phòng Công tác xã hội	2018	2020		x	

4	Phòng Điều dưỡng	2018	2020		x	có trình độ cao, chuyên nghiệp, đủ số lượng.
5	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2020		x	
6	Các tổ chức đoàn thể	2018	2020		x	
7	Lãnh đạo các khoa, phòng, Trung tâm, bộ phận	2018	2020		x	

Mục tiêu 4: Phát triển đều kỹ thuật các chuyên khoa (tổng số $\geq 80\%$ theo phân tuyến), trong đó có một số chuyên khoa mũi nhọn có tỷ lệ kỹ thuật vượt tuyến $\geq 5\%$.

1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2025	x		Tổng số kỹ thuật thực hiện $> 80\%$ theo phân tuyến, trong đó có một số chuyên khoa mũi nhọn có tỷ lệ kỹ thuật vượt tuyến $> 20\%$.
2	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2025		x	
3	Phòng Đào tạo- CĐT	2018	2025		x	
4	Phòng Hành chính	2018	2025		x	
5	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2025		x	
6	Phòng Vật tư	2018	2025		x	
7	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025		x	
8	Các khoa lâm sàng	2018	2025		x	

Mục tiêu 5: Tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh và gia đình người bệnh đối với Bệnh viện, tăng thu hút nhân dân đến khám chữa bệnh.

1	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2025	x		Tỷ lệ hài lòng $> 95\%$.
2	Phòng Hành chính	2018	2025		x	
3	Phòng Vật tư	2018	2025		x	
4	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025		x	
5	Phòng Điều dưỡng	2018	2025		x	
6	Phòng Công tác xã hội	2018	2025		x	
7	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2025		x	

8	Phòng Công nghệ thông tin	2018	2025		x	
9	Các khoa lâm sàng, cận LS					

Mục tiêu 6: Tiếp tục hoàn thiện và phát triển Trung tâm Tim mạch, Trung tâm Ung bướu. Đưa các kỹ thuật Tim mạch can thiệp và Xạ trị vào hoạt động trước năm 2020 và trở thành thường quy vào năm 2025.

1	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2025	x		Các kỹ thuật Tim mạch can thiệp và Xạ trị vào hoạt động trước năm 2020 và trở thành thường quy vào năm 2025.
2	Phòng Đào tạo- CĐT	2018	2025		x	
3	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2025		x	
4	Phòng Hành chính	2018	2025		x	
5	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2025		x	
6	Phòng Vật tư	2018	2025		x	
7	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025		x	
8	Trung tâm tim mạch	2018	2025		x	
9	Trung tâm Ung bướu	2018	2025		x	

Mục tiêu 7: Đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn bệnh viện đa khoa hạng I hoàn chỉnh. Thành lập Trung tâm Chấn thương chỉnh hình; Trung tâm Thận nhân tạo – Nội thận, Đơn vị Đột quy; Trung tâm xét nghiệm; Khoa Truyền máu và Huyết học lâm sàng; Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế.

1	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2025	x		Đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn bệnh viện đa khoa hạng I hoàn chỉnh
2	Phòng Đào tạo- CĐT	2018	2025		x	
3	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2025		x	
4	Phòng Hành chính	2018	2025		x	
5	Phòng Vật tư	2018	2025		x	
6	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025		x	
7	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2025		x	
8	Khoa Ngoại 1	2018	2025		x	
9	Khoa Thận nhân tạo	2018	2020		x	

10	Khoa Thần kinh	2020	2025		x	
11	Khoa Huyết học	2020	2025		x	

Mục tiêu 8: Quản lý tài chính có hiệu quả, công khai minh bạch, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ viên chức.

1	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025	x		Thu nhập tăng thêm hàng tháng cho cán bộ viên chức là 8 triệu/năm 2020 và 15 triệu/năm 2025.
2	Phòng Công nghệ thông tin	2018	2025		x	
3	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2025		x	
4	Tổ chức Công đoàn	2018	2025		x	

Mục tiêu 9: Phát triển hệ thống Công nghệ thông tin, ứng dụng hiệu quả Công nghệ thông tin trong công tác khám, chữa bệnh và quản lý bệnh viện.

1	Phòng Công nghệ thông tin	2018	2020	x		Hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại, triển khai bệnh án điện tử và lưu trữ giao chuyển phim trên phần mềm PACS.
2	Phòng Hành chính	2018	2020		x	
3	Phòng Tài chính kế toán	2018	2020		x	
4	Phòng Vật tư	2018	2020		x	
5	Phòng tổ chức cán bộ	2018	2020		x	
6	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2020		x	

Mục tiêu 10: Thực hiện cải tiến chất lượng bệnh viện liên tục.

1	Phòng Quản lý chất lượng	2018	2025	x		Điểm trung bình (83 tiêu chí) đạt 4,2 năm 2020 và 4,5 năm 2025.
2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2018	2025		x	
3	Phòng Công nghệ thông tin	2018	2025		x	
4	Phòng Hành chính	2018	2025		x	
5.	Phòng Vật tư	2018	2025		x	
6	Phòng Tổ chức cán bộ	2018	2025		x	

7	Phòng Điều dưỡng	2018	2025		x
8	Phòng Công tác xã hội	2018	2025		x
9	Phòng Tài chính kế toán	2018	2025		x
10	Các khoa lâm sàng, cận LS	2018	2025		x

2. Kế hoạch kinh phí

2.1. Kinh phí chi theo đầu tư kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
I	Đầu tư XDCB				
1	Cải tạo, sửa chữa	5.700	6.500	7.200	
2	Nhà xạ trị	15.000	6.000		
3	Nhà Kỹ thuật cao – Trung tâm Ung bướu		-
II	Đầu tư TTBYT và CNTT				
1	Nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ	2.266			
2	Sửa chữa, thay thế		200	250	
III	Đào tạo phát triển nguồn nhân lực				
1	Đào tạo liên tục	300	400	450	
2.	Học sau đại học, chuyên giao gói kỹ thuật	1.603	1.763	1.939	
	Tổng số				

2.2. Kinh phí thu dự kiến

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
	Tổng thu	460.000	500.970	546.037	
1	NSNN cấp	0	0	0	
2	Thu dịch vụ khám chữa bệnh	301.300	331.430	364.571	
3	Thu dịch vụ XHH, Trông giữ xe	108.400	119.240	131.164	
4	Thu khác	50.300	50.300	50.300	
II	TỔNG CHI	423.227	460.520	501.542	
1	Chi cho con người	125.419	137.823	152.711	
2	Chi hoạt động chuyên môn	258.078	280.981	305.030	
3	Chi mua sắm, sửa chữa	2.295	2.409	2.529	
4	Chi đào tạo chuyển giao kỹ thuật	15	16	17	
5	Chi khác	37.420	39.291	41.265	
III	ĐỀ LẠI VÀ TRÍCH QUỸ	36.773	40.450	44.495	

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo bệnh viện

- Phổ biến rộng rãi chiến lược phát triển bệnh viện đến năm 2020, tầm nhìn 2025 đến toàn thể cán bộ nhân viên của bệnh viện sau khi được phê duyệt.

- Tranh thủ sự ủng hộ, quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo. Vận động các nguồn vốn thực hiện đề án.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của bệnh viện trên cơ sở quy hoạch.

- Chỉ đạo, giám sát các phòng, trung tâm bộ phận thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

2. Các phòng chức năng

2.1. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng quy hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật của Bệnh viện theo lộ trình.
- Căn cứ công suất sử dụng giường bệnh theo kế hoạch và công suất sử dụng giường thực tế xây dựng đề án bổ sung giường kế hoạch theo từng năm trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các khoa, trung tâm, bộ phận thực hiện đúng quy trình chuyên môn kỹ thuật, hoàn thiện hồ sơ bệnh án, đảm bảo tính đúng, tính đủ cho người bệnh, tránh xuất toán bảo hiểm y tế.
- Phối hợp với các phòng chức năng thực hiện theo kế hoạch chung của bệnh viện.

2.2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Xây dựng đề án vị trí việc làm, tuyển dụng thêm nhân lực cho phù hợp với cơ cấu giường bệnh theo kế hoạch từng năm đặc biệt là theo nhu cầu phát triển của từng chuyên khoa.
- Xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực để cho đi đào tạo ngắn hạn, dài hạn, hoặc theo các gói kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển kỹ thuật của bệnh viện.
- Điều chỉnh, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng để thúc đẩy các phong trào thi đua trong cán bộ viên chức bệnh viện, đặc biệt là các chế độ đãi ngộ nhằm thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn cao gắn bó với bệnh viện.
- Đẩy mạnh công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ viên chức. Thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, Quyết định 2151/QĐ-BYT của Bộ Y tế trong công việc thực tế hàng ngày. Xây dựng, rèn luyện tính tự giác, tích cực lao động, học tập của CBVC. Phát huy tinh thần làm chủ, tinh thần trách nhiệm, lao động sáng tạo của CBVC.
- Nêu cao tính gương mẫu, tiên phong của đảng viên, cán bộ lãnh đạo và xác định vai trò của người đứng đầu các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận.

2.3. Phòng Đào tạo chỉ đạo tuyển

- Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển của bệnh viện đến năm 2020, tầm nhìn 2025 phòng Đào tạo chỉ đạo tuyển xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, mở rộng các hình thức đào tạo cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên để triển khai các chuyên khoa mới.
- Căn cứ nhu cầu phát triển chuyên môn kỹ thuật của từng chuyên ngành xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ theo nhiều hình thức như: tranh thủ sự hỗ trợ của tuyển trên, tham gia

bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện tuyến TW, ký kết hợp tác đào tạo, chuyển giao gói kỹ thuật với các bệnh viện đầu ngành...

2.4. Phòng Hành chính quản trị

- Căn cứ vào mục tiêu phát triển, mở rộng qui mô hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện, phòng Hành chính quản trị xây dựng đề án điều chỉnh bổ sung qui hoạch xây dựng tổng thể bệnh viện cho phù hợp khi tăng thêm 400 giường bệnh kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Nhà Kỹ thuật cao, khám chữa bệnh tự nguyện với qui mô 9 tầng tại khu phía bắc khối Nhà A (đề án đã được phê duyệt).

- Triển khai và giám sát thi công khu nhà xạ trị tại khu vực phía Tây Bắc bệnh viện; phòng can thiệp tim mạch.

- Phối hợp với các phòng chức năng, các khoa lâm sàng thực hiện bổ sung các hệ thống bảng biểu, mua sắm cho các tiêu chí hướng đến người bệnh nhằm nâng cao sự hài lòng của người bệnh.

2.5. Phòng Vật tư trang thiết bị y tế

- Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển của bệnh viện đến năm 2020 tiến hành rà soát trang thiết bị, xây dựng Đề án bổ sung trang thiết bị y tế theo danh mục đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các phòng, các khoa chủ động xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị y tế nhằm phục vụ nhu cầu phát triển chuyên môn của các chuyên khoa.

2.6. Phòng Quản lý chất lượng

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng liên tục về mọi mặt theo mục tiêu đề ra bao gồm: trình độ chuyên môn, trang thiết bị hiện đại, tinh thần thái độ phục vụ, kỹ năng giao tiếp ứng xử...

- Thực hiện công tác quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Duy trì áp dụng thực hiện 5S ở tất cả các trung tâm, khoa, phòng, bộ phận trong bệnh viện.

- Xây dựng môi trường làm việc Xanh - Sạch - Đẹp đảm bảo thân thiện, văn minh, lịch sự.

- Chủ động tích cực lấy ý kiến đóng góp của người bệnh và người nhà người bệnh để có kế hoạch, chiến lược cải cách, điều chỉnh phù hợp.

2.7. Phòng Công nghệ thông tin

Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án nâng cấp cơ sở hạ tầng và phát triển hệ thống Công nghệ thông tin của bệnh viện. Ứng dụng hiệu quả và đầy đủ các phần mềm trong công tác khám, chữa bệnh và quản lý bệnh viện, thực hiện trước năm 2020.

2.8. Các Khoa, phòng khác

Căn cứ chức năng của mình, xây dựng kế hoạch hoạt động theo các mục tiêu của đề án (sau khi được phê duyệt).

.Nơi nhận:

- Ban QLDA tỉnh;
- Lưu VT, QLCL

GIÁM ĐỐC